

Số: 132 /TCT-CBTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Tổng Công ty Viglacera - CTCP
 - Mã chứng khoán: VGC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.35536660
 - Fax: 024.35536671
 - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Anh Tuấn
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Viglacera – CTCP công bố thông tin “Báo cáo thường niên năm 2020”
(Có văn bản kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2021 tại đường dẫn: <http://www.viglacera.com.vn/vi/portal/product.php/quan-he-co-dong.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người được Ủy quyền CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KT/TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn



TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP
NĂM 2020

(Theo hướng dẫn tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

Hà nội, tháng 3 năm 2021



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
2.1. Ngành nghề kinh doanh.....	3
2.2. Địa bàn kinh doanh.....	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:.....	5
3.1. Mô hình quản trị:.....	5
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
3.3. Các Công ty con, công ty liên kết.....	6
4. Định hướng phát triển.....	7
4.1. Các mục tiêu chủ yếu	7
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	7
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty.....	11
4.4. Các rủi ro và quản lý rủi ro.....	12
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020	16
1. Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2020	16
1.1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm	16
1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	17
2. Tổ chức nhân sự.....	17
2.1. Danh sách Ban điều hành của Tổng Công ty.....	17
2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành của Tổng công ty	18
2.3. Số lượng CBCNV toàn Tổng Công ty.....	18
2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động.....	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	18
4. Tình hình tài chính.....	21
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	21
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	22
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	26
1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2020.....	26
2. Tình hình tài chính:.....	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	30
5. Giải trình BGD với ý kiến kiểm toán nếu có.....	34
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	34
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty	35
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:	37
3. Các định hướng và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	37
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
1. Hội đồng quản trị.....	40
2. Ban kiểm soát.....	42
3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	42
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	45
1. Ý kiến kiểm toán:	45
2. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán:.....	45

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP
VIGLACERA CORPORATION - JSC
- Giấy CNĐKDN CTCP: Số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26/02/2018
- Vốn điều lệ: 4.483.500.000.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 4.483.500.000.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Tầng 16 và 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3553 6660
- Fax: (84-24) 3553 6671
- Website: <http://www.viglacera.com.vn/> Email: info@viglacera.com.vn
- Mã cổ phiếu: VGC
- Logo:



Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- 1974: Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 366/BXD ngày 25/07/1974 của Bộ Xây dựng.
- 1979: Chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng theo Quyết định số 308/CP của Chính phủ ngày 07/09/1979
- 1984: Liên hiệp được chia tách thành 03 phần và Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng chỉ quản lý các đơn vị từ Bình Trị Thiên trở ra;
- 1992-1993: Đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng và sau đó đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng;
- 1995: Thành lập Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng, hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90;
- 2006: Chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng. Bộ máy của Công ty mẹ được tổ chức lại cho phù hợp với đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh và đồng thời là đơn vị quản lý, đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết;
- 2010-2012: Công ty mẹ - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng thành công ty TNHH một thành viên và đổi tên thành Tổng công ty Viglacera và sau đó Chuyển giao quyền và nghĩa vụ Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera từ Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị về Bộ Xây dựng;
- 2013: Được phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- 2014: Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là 2.645.000.000.000 đồng. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2014;

➤ 2015: Cổ phiếu của Tổng công ty được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch VGC;

➤ 2016: Tăng vốn điều lệ lên 3.070.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng và 12.500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP)

Ngày 22/12/2016, Viglacera đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội – HNX với mã chứng khoán VGC.

➤ 2017: Phát hành thành công đầu giá ra công chúng 120 triệu CP (VGC), tăng vốn điều lệ lên 4.270 tỷ đồng và hoàn thành phát hành tăng vốn theo chương trình ESOP, nâng vốn điều lệ lên 4.483,5 tỷ đồng và giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước còn 53,97%.

➤ 2019: Hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera-CTCP về 38,58% trong tháng 3/2019; Đồng thời, tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019, bầu ra Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2019-2024, là nhiệm kỳ đầu tiên sau khi nhà nước không giữ cổ phần chi phối của Tổng công ty Viglacera-CTCP.

Ngày 29/5/2019: Chính thức chuyển niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Viglacera-CTCP (mã giao dịch VGC) từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE).

➤ Ngày 18/06/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 814/QĐ-BXD về giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Tổng công ty Viglacera thành Tổng công ty Viglacera - CTCP. Ngày 24/06/2020, Bộ Xây dựng và Tổng công ty đã ký biên bản bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ Giấy CNĐKDN CTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014 và điều chỉnh, bổ sung đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26/02/2018; Các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; - Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại..	6810 (chính)
2.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Sản xuất kính tiết kiệm năng lượng;	3290
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại	4663

TT	Tên ngành	Mã ngành
	vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Kinh doanh kính tiết kiệm năng lượng;	
4.	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Chi hoạt động định giá bất động sản tại sàn giao dịch); - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; 	6820
5.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;</p>	4299
6.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Xuất nhập khẩu kính tiết kiệm năng lượng;</p>	8299
7.	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn về môi trường (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định nguyên liệu, vật liệu xây dựng. 	7490
8.	<p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).</p>	6619
9.	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị.</p>	4669
10.	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải;</p>	7730
11.	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;</p>	8559
12.	<p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);</p>	5610
13.	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);</p>	5510
14.	<p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí;</p>	9329

TT	Tên ngành	Mã ngành
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ siêu thị;	4719
16.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.	0899
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Lập dự án đầu tư xây dựng;	7110

2.2. Địa bàn kinh doanh

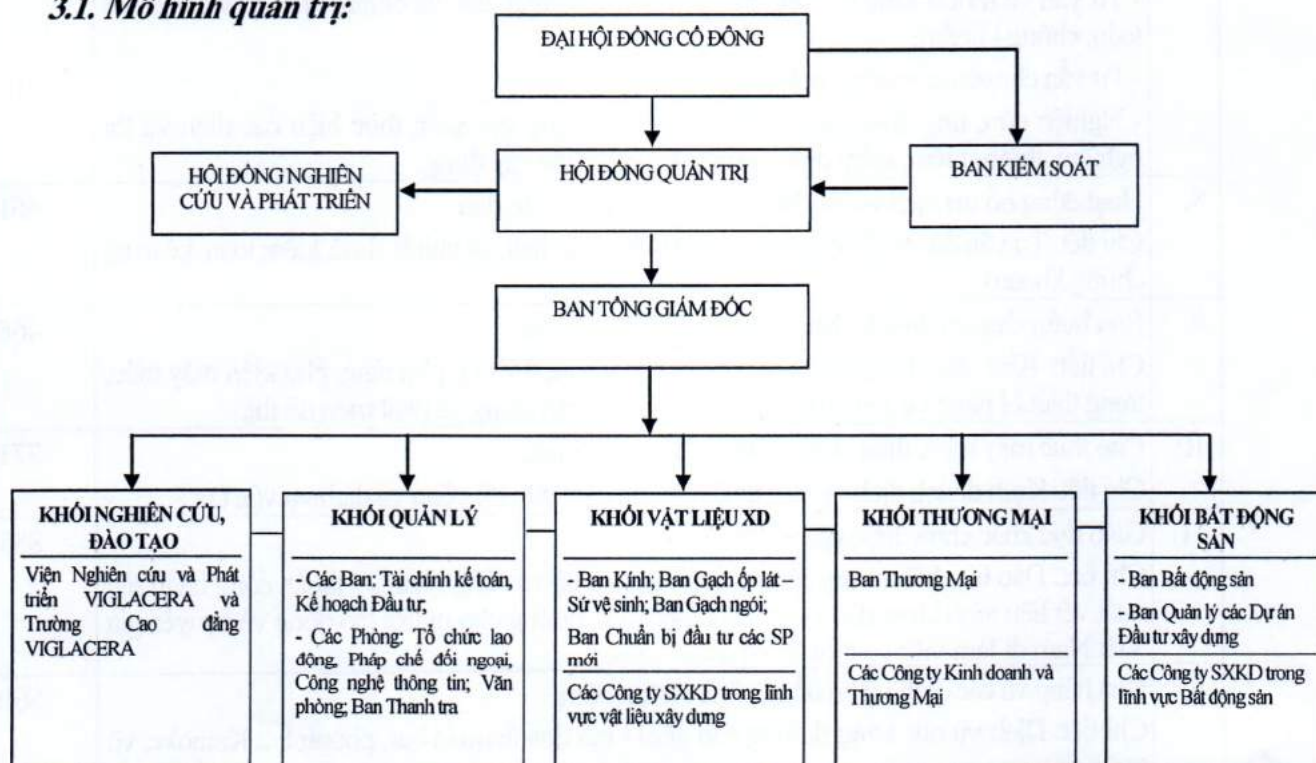
Viglacera được xếp hạng là một trong những thương hiệu mạnh và uy tín của Quốc gia (được chính phủ xếp hạng là Thương hiệu quốc gia) với mạng lưới hoạt động phủ kín 63 tỉnh, thành Việt Nam. Công tác phát triển thương hiệu cũng được duy trì thường xuyên tại 3 vùng miền thông qua công tác truyền thông, quảng cáo, hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế.

Kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt 35 triệu USD, sản phẩm Viglacera hiện diện trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như khu vực EU, Úc, Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia, Cuba, Campuchia. . .

Từ năm 2018, Viglacera đã thực hiện đầu tư sang Cộng hòa Cuba: Công ty SanVig-CTCP được thành lập giữa Tổng công ty Viglacera-CTCP và Tập đoàn Geicon (Cuba) đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sứ vệ sinh và gạch ốp lát với 02 Nhà máy, đã cho ra sản phẩm vào cuối năm 2019. Đồng thời, Viglacera cũng triển khai đầu tư Khu công nghiệp ViMariel với quy mô 156ha nằm trong Đặc khu kinh tế Mariel của Cuba, nhằm đón đầu xu hướng đầu tư vào Cuba; nghiên cứu triển khai các dự án bất động sản nghỉ dưỡng tại Cuba.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

ĐHĐCĐ: là cơ quan quyết định cao nhất của bộ máy quản trị Tổng công ty

Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 3 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
2	Ông Luyện Công Minh	Phó Chủ tịch	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
4	Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
5	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng ban Kiểm soát và 2 thành viên

Ban Tổng Giám đốc có Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Trong đó, có 02 Phó Tổng giám đốc được HĐQT bổ nhiệm bổ sung từ 01/10/2020 và 01 Phó Tổng giám đốc được bổ sung từ tháng 03/2021.

Các phòng, ban Công ty mẹ; các công ty phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết

3.3. Các Công ty con, công ty liên kết

Hiện nay, Tổng Công ty có 20 công ty con và 07 công ty liên kết, hoạt động trong hai lĩnh vực chủ yếu là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản.

a. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1. CTCP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ốp lát	69.898	51,07%
2. CTCP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	195.000	51,00%
3. CTCP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	SX và KD gạch ốp lát	56.000	51,00%
4. CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%
5. CTCP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	Kinh doanh gạch ốp lát	30.000	51,02%
6. CTCP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	26.250	92,82%
7. CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	63.000	59,96%
8. CTCP Thương mại Viglacera	Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	79,83%
9. CTCP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	SX gạch chịu áp	65.000	96,19%
10. CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu (hợp nhất), gồm công ty con: <i>Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera</i>	Bắc Ninh	SX và KD kính <i>KD lắp dựng kính xây dựng</i>	300.000	86,41%
11. CTCP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	Khai thác và KD cát, du lịch	291.985	95,02%
12. CTCP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%
13. CTCP Viglacera Hạ Long (hợp nhất), gồm các công ty con: <i>- Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long</i> <i>- CTCP gạch Clinker Viglacera</i> <i>- CTCP Viglacera Đông Triều</i> <i>- CTCP Viglacera Hạ Long II</i>	Quảng Ninh	SX và KD gạch <i>KD Vật liệu xây dựng</i> <i>SX và KD gạch</i> <i>SX và KD gạch</i> <i>SX và KD gạch</i>	250.000	50,48%
14. CTCP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	SX và KD gạch	15.625	55,92%
15. CTCP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	SX và KD gạch	10.050	51,00%
16. CTCP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	SX và KD gạch	7.500	51,00%
17. CTCP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các công trình	3.000	76,89%
18. CTCP Phát triển KCN Yên Mỹ - Hưng Yên	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng, cho thuê CSHT KCN	50.000	60,00%
19. Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	Kinh doanh hạ tầng KCN	5.000.000 (USD)	99,90%
20. Công ty TNHH CHAO - Viglacera	Hà Nội	Dịch vụ du lịch, nhà hàng	3.146	100,00%

Công ty CP Bá Hiến đã được Tổng công ty Viglacera-CTCP thoái vốn tháng 6/2020.

b. Các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	30,00%
2. Công ty TNHH Kính Nổi Siêu trắng Phú Mỹ	Vũng Tàu	SX và KD Kính	886.000	35,00%
3. CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	20.000	25,00%
4. CTCP Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch	20.002	24,93%
5. CTCP Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	SX và KD gạch	10.000	26,00%
6. CTCP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Hà Nội	SX và KD Gạch chịu lửa	5.000	25,00%
7. Công ty SanVig - CTCP	Cuba	SX và KD các sản phẩm gốm sứ, vật liệu và các sản phẩm XD khác	39.859.960 (USD)	

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu

4.1.1. Xây dựng Viglacera từng bước trở thành tập đoàn kinh tế mạnh ở cả hai lĩnh vực: Vật liệu xây dựng và Bất động sản, trong đó ưu tiên chính là phát huy tối đa năng lực của các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng đã và sẽ đưa vào vận hành đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thông minh, chất lượng cao và thân thiện với môi trường; khu công nghiệp đạt đẳng cấp quốc tế gắn với việc đầu tư sản xuất công nghệ cao, tiếp cận với cách mạng công nghệ 4.0 và phát triển nhà ở xã hội theo hướng văn minh, hiện đại nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với lợi ích và nhu cầu của đông đảo người sử dụng.

4.1.2. Hoàn thành công tác sắp xếp lại các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty theo hướng nâng cao năng lực của các doanh nghiệp có sử dụng công nghệ cao trong sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm vật liệu mới: gạch không nung, pin năng lượng mặt trời, kính tiết kiệm năng lượng, gạch granite, sứ vệ sinh cao cấp... đồng thời thoái hết vốn đối với các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất lạc hậu, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

4.1.3. Đưa thương hiệu Viglacera trở thành thương hiệu mạnh quốc gia và là thương hiệu quốc tế trên các dòng sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

4.2.1. Xây dựng Viglacera từng bước trở thành tập đoàn kinh tế mạnh ở cả hai lĩnh vực: Vật liệu xây dựng và Bất động sản, trong đó mục tiêu chính là phát huy tối đa năng lực của các nhà máy/dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng hiện có và đang đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thông minh, chất lượng cao và thân thiện với môi trường; Phát triển khu công nghiệp đạt đẳng cấp quốc tế gắn với việc đầu tư sản xuất công nghệ cao, tiếp cận với cách mạng công nghệ 4.0; Phát triển nhà ở xã hội theo hướng văn minh, hiện đại nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với lợi ích và nhu cầu của đông đảo người sử dụng.

4.2.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, có mức tăng trưởng bình quân khoảng 7%-10% đối với tất cả các chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông với 2 lĩnh vực cốt lõi là Vật liệu xây dựng và Đầu tư kinh doanh bất động sản, cụ thể:

a. Lĩnh vực vật liệu xây dựng:

1) Giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Phát triển ổn định bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu không chỉ ở khu vực mà còn vươn tầm ra thế giới; với các chủng loại vật liệu xây dựng đồng bộ, cao cấp với chất lượng hàng đầu Việt Nam, thân thiện môi trường,

2) Chú trọng đa dạng hóa sản xuất sản phẩm nhằm cung cấp trọn gói và đồng bộ các loại vật liệu xây dựng cho các dự án lớn tại thị trường trong nước và quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

3) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới để tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.

4) Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư phát triển trung/dài hạn trong các lĩnh vực/nhóm sản phẩm mũi nhọn:

- Kính xây dựng:

+ Nghiên cứu và đầu tư về công nghệ/thiết bị để nâng cao chất lượng lớp phủ, đa dạng hóa sản phẩm kính low-e và phát triển các dòng sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng mới đáp ứng nhu cầu thị trường;

+ Nghiên cứu phát triển các sản phẩm kính cao cấp, kính sử dụng làm phôi cho sản xuất pin năng lượng mặt trời và các sản phẩm kính gia công chất lượng cao, gương nano; Nghiên cứu đầu tư phát triển sản xuất màng phủ làm phôi cho sản xuất Pin năng lượng mặt trời.

+ Nghiên cứu và triển khai đầu tư Nhà máy kính nổi siêu trắng GD2, Nhà máy kính cán siêu trắng; Nhà máy kính tiết kiệm năng lượng và Nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng mới.

- Sứ vệ sinh – sen vòi: Nghiên cứu đầu tư phát triển các nhà máy sứ vệ sinh mới tại các KCN của Tổng công ty, phát triển các dòng sản phẩm sứ vệ sinh cao cấp; Đồng thời, nghiên cứu đầu tư sản xuất nắp bệ, phụ kiện sứ vệ sinh... phù hợp với chiến lược phát triển các bộ sản phẩm đồng bộ.

- Gạch ốp lát granite – ceramic: Dự án đầu tư Nhà máy gạch Viglacera Eurotile, công suất 9,0 triệu m²/năm tại Bà Rịa-Vũng Tàu (đầu tư công nghệ mới sản xuất sản phẩm kích thước lớn, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu); Nghiên cứu đầu tư các nhà máy mới, đầu tư mở rộng tại các nhà máy hiện có của các đơn vị thành viên (Công ty CP Viglacera Hà Nội, Công ty CP Viglacera Thăng Long, Nhà máy Mỹ Đức tại Bà Rịa-Vũng Tàu) để phát triển các dòng sản phẩm cao cấp theo kế hoạch/chiến lược phát triển mẫu mã sản phẩm mới. Đồng thời, nghiên cứu, khảo sát và xem xét việc mua lại nhà máy sản xuất gạch ốp lát có tiềm năng từ các đối thủ cạnh tranh tại Việt Nam.

- Sản phẩm bê tông khí chưng áp: Phát huy kết quả đầu tư của Dự án KHCN cấp nhà nước và hợp tác công nghệ/kỹ thuật với đối tác HESS; trong đó phát triển các dòng sản phẩm panel, nghiên cứu ứng dụng sử dụng phối liệu từ tro/xi để tiết giảm chi phí... Đồng thời, nghiên cứu khảo sát để tiếp tục đầu tư phát triển các nhà máy nhà máy sản xuất panel, gạch bê tông khí tại các địa điểm phù hợp (ứng dụng kết quả nghiên cứu của Dự án KHCN nhà nước đã thực hiện);

- Mỏ nguyên liệu và chế biến nguyên liệu phục vụ sản xuất vật liệu: Khảo sát, nghiên cứu đầu tư các mỏ nguyên liệu mới và Nhà máy khai thác chế biến cung cấp nguyên liệu sản xuất cho các sản phẩm chủ yếu của Tổng công ty (kính sứ, gạch ốp lát), như: cát, feldspar, đất sét ...), đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu về sản lượng, chất lượng.

- Nghiên cứu, khảo sát và chuẩn bị đầu tư các dự án phát triển sản phẩm mới: Pin năng lượng mặt trời; sản phẩm tấm silic/tấm trần thạch cao; Gạch block thủy tinh, VLXD siêu nhẹ, gạch không nung, tấm trần thạch cao, vật liệu đá nhân tạo...

b. Lĩnh vực bất động sản:

Là nhà đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực đáng tin cậy; Trong đó trở thành nhà đầu tư hàng đầu tại Việt nam với những tiện ích tối đa cho khách hàng trong các lĩnh vực:

- Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà ở xã hội, nhà ở công nhân KCN;

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành khu công nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn và khả năng cạnh tranh với các nhà đầu tư khu công nghiệp trong nước, nước ngoài; đón đầu và nắm bắt cơ hội xu thế chuyển dịch đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam.

Theo đó:

- Tập trung phát triển đầu tư, kinh doanh và vận hành hạ tầng kỹ thuật KCN và dịch vụ (các nhà máy xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý rác thải, dịch vụ cung cấp điện, nước, cho thuê kho bãi ...) tại các KCN hiện có, phát triển mở rộng quỹ đất tại các địa bàn có tiềm năng (miền Trung, miền Nam) và nước ngoài (Cuba). Mục tiêu đến năm 2025 nâng tổng số các KCN của Tổng công ty lên hơn 20 KCN, với trên 10 KCN mới với tổng diện tích tăng thêm khoảng từ 2.000-3.000

ha với mục tiêu phát triển quỹ đất khu công nghiệp dự trữ tối thiểu gấp đôi đất cho thuê hàng năm; Tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn và chất lượng vận hành, đảm bảo năng lực cạnh tranh với các nhà đầu tư KCN trong nước.

- Tập trung phát triển đầu tư phân khúc Nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN với mục tiêu là nhà đầu tư hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà ở xã hội, nhà ở công nhân KCN trên cơ sở các dự án đã và đang triển khai, phát triển mở rộng quỹ đất nhà ở xã hội tại các địa điểm phù hợp trên địa bàn các tỉnh/thành cả nước, với tiêu chí tại mỗi khu công nghiệp có tối thiểu một khu nhà ở xã hội nhằm giải quyết nhà ở, dịch vụ cho công nhân tại khu công nghiệp đó, diện tích khoảng 8-10ha, đồng thời gia tăng sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp;

- Nhà ở thương mại và bất động sản nghỉ dưỡng: Tiếp tục triển khai các dự án nhà ở thương mại tại các khu đô thị hiện có và tham gia đấu thầu làm chủ đầu tư các dự án nhà ở thương mại. Mặt khác, phát triển các dự án du lịch sinh thái, bất động sản nghỉ dưỡng trong nước (Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vân Hải) và nước ngoài (trước mắt tại Cuba).

- Vận hành, khai thác các KCN, KĐT hiện có. Đồng thời, hình thành một chuỗi kinh doanh bất động sản khép kín từ khâu nghiên cứu, lập dự án, thiết kế cho tới thi công xây dựng và bán hàng.

4.2.3. Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới. Trong đó:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức của Tổng công ty, các Quy chế quản trị phù hợp với cơ cấu sở hữu vốn, các quy định pháp luật có liên quan có hiệu lực từ 1/1/2021 và phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty; phòng ngừa các rủi ro trong hoạt động SXKD, đầu tư và quản lý vốn;

- Đầu tư và triển khai chương trình quản trị thống nhất, hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ từ Công ty Mẹ-Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống ERP và các phần mềm hỗ trợ khác nhằm kiểm soát tốt công tác thông tin, giám sát, đánh giá rủi ro, tình hình tài chính và hoạt động SXKD của doanh nghiệp, đảm bảo hiệu quả cao nhất trong công tác quản trị doanh nghiệp và công tác sản xuất, kinh doanh của cả Viglacera, đưa trình độ quản trị của Viglacera tiệm cận và đạt ngang bằng trình độ quản trị của các doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong cùng lĩnh vực.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm cá nhân trong bộ máy điều hành, quản lý của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Phân công, phân cấp lại một số vị trí, Ban chuyên quản tại Công ty Mẹ trên nguyên tắc phân quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cuối cùng tới kết quả công việc được giao.

- Hình thành các đầu mối quản lý/các đơn vị mới đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển của Tổng công ty trong từng lĩnh vực hoạt động/lĩnh vực sản phẩm như kính, sứ vệ sinh-sen vòi, gạch ốp lát, sản phẩm vật liệu xây dựng mới, lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và đô thị;

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển đặc biệt đối với Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, đúng với vai trò là cơ quan đầu mối triển khai và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất; đồng thời là đơn vị chuyên môn quản lý công nghệ của Tổng công ty; Xây dựng và nhân rộng hệ thống phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS tại từng lĩnh vực sản phẩm của Tổng công ty phục vụ kiểm soát chất lượng và nghiên cứu đầu tư phát triển;

- Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, đầu tư cho thiết kế, sản xuất khuôn mẫu, phát triển mẫu mã mới các dòng sản phẩm thông minh, gần gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng đồng bộ cao,... đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tổng công ty;

4.2.4. Tập trung phát triển khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động tối thiểu 10% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động, khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; mục tiêu dài hạn đạt tiệm cận với doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới trong cùng lĩnh vực. Trong đó:

- Triển khai các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức; Rà soát, bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các quy chế khoán quản, tinh giản bộ máy lao động gián tiếp để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí...

- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập sâu kinh tế quốc tế, phục vụ cho công tác kiểm soát chất lượng, quản lý hàng tồn kho; chống hàng giả hàng nhái và truy xuất thông tin sản phẩm.

4.2.5. Tiếp tục lộ trình tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera - CTCP theo Đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó:

- Thực hiện thoái vốn nhà nước về 0% tại Công ty Mẹ - Tổng công ty theo lộ trình kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Xây dựng và triển khai phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty với quy mô, lộ trình phù hợp, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng và đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025;

- Triển khai kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả hoặc công nghệ/thiết bị, sản phẩm lạc hậu; theo đó thoái toàn bộ vốn tại các công ty cổ phần: Viglacera Từ Sơn, Viglacera Hạ Long 1, Viglacera Hợp Thịnh và Viglacera Từ Liêm. Cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của các Công ty, phát huy lợi thế quý đất hiện có của đơn vị đang quản lý (CP Viglacera Hữu Hưng, CP Viglacera Đông Anh tại TP Hà Nội);

- Tiếp tục thành lập mới, góp/tăng vốn tại các công ty với tỷ lệ vốn hợp lý, sử dụng các nguồn vốn hợp pháp để triển khai kế hoạch đầu tư theo chiến lược phát triển của Tổng công ty trong các lĩnh vực hoạt động. Theo đó:

- + Thành lập mới các công ty quản lý phần vốn của Tổng công ty theo từng nhóm lĩnh vực hoạt động SXKD; Các công ty cổ phần để triển khai các dự án phát triển các sản phẩm mới (kính siêu trắng, pin năng lượng mặt trời, tấm trần thạch cao ...) của Tổng công ty;

- + Tiếp tục cơ cấu nguồn vốn hợp lý để triển khai, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư mới, mở rộng quy mô trong các lĩnh vực sản phẩm chủ đạo như kính, sứ vệ sinh cao cấp, gạch ốp lát cao cấp tại các công ty: Công ty TNHH kính nổi siêu trắng Phú Mỹ, CP Viglacera Tiên Sơn, CP Viglacera Thăng Long, CP Viglacera Hà Nội, CP Viglacera Thanh Trì, CP Việt Trì Viglacera, CP Viglacera Hạ Long, CP Viglacera Vân Hải...

- + Nghiên cứu xem xét việc mua lại các nhà máy sản xuất trong lĩnh vực vật liệu có tiềm năng, lợi thế về thiết bị, công nghệ, thị trường để đầu tư nâng cấp, nâng cao sản lượng sản xuất và năng lực cạnh tranh;

- + Góp vốn liên doanh, liên danh để đầu tư KCN; đầu tư nhà ở xã hội đang triển khai và phát triển các dự án mới tại các địa phương;

4.2.6. Xây dựng đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến. Trong đó:

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách nhân lực mới nhằm kiện toàn lại nguồn nhân lực hiện có đồng thời thu hút thêm nguồn nhân lực mới có trình độ cao ngoài xã hội để bổ sung cho nhân lực đang thiếu và chưa hoàn thiện trong hệ thống quản trị, quản lý, trực tiếp sản xuất hiện nay tại các đơn vị thành viên và của Tổng công ty, thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng cho cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao đặc biệt đối với đội ngũ Công nghệ trưởng - Kỹ sư trưởng; Tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ kỹ sư trẻ mới ra trường để thu hút nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục đầu tư cho Trường cao đẳng, Viện nghiên cứu Viglacera trở thành những trung tâm đào tạo công nhân có tay nghề cao về các ngành sản xuất chủ yếu của Tổng công ty, đồng thời kết hợp với các trường đại học trong và ngoài nước thực hiện đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng công ty;

- Đồng thời, nghiên cứu triển khai thuê chuyên gia (trong và ngoài nước) quản lý điều hành trong một số lĩnh vực mới của Tổng công ty như: Các nhà máy sản xuất VLXD công nghệ mới, công nghệ cao; lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản nghỉ dưỡng, quản lý khách sạn ...

4.2.7. Mở rộng thị trường, tăng thị phần trong nước và xuất khẩu.

- Duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng, giá cả và dịch vụ sau bán hàng để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển thị trường trung và dài hạn, kế hoạch phát triển mẫu mã sản phẩm đồng bộ, tập trung cho các sản phẩm cao cấp, giá trị cao theo chiến lược đầu tư phát triển của từng lĩnh vực sản phẩm. Củng cố và phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm trong nước (đặc biệt đến các khu vực nông thôn); Xây dựng, triển khai phương án đầu tư siêu thị VLXD, hệ thống showroom; Hoàn thiện chiến lược quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả thông qua các chương trình truyền thông, PR, các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước;

- Xây dựng và triển khai chiến lược xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung đối với các sản phẩm trong lĩnh vực kính, sứ vệ sinh-sen vòi, gạch ốp lát và các sản phẩm mới, công nghệ cao; tham gia hiệp định thương mại chung, đặc biệt thị trường Mỹ và Châu Âu, theo đó trước mắt tập trung sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát, mục tiêu doanh thu xuất khẩu các sản phẩm này đạt tỷ trọng 20% tổng doanh thu của lĩnh vực các sản phẩm này.

- Xúc tiến, thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế của Tổng công ty đã, đang và chuẩn bị đầu tư.

4.2.8. Đầu tư ra nước ngoài: Triển khai thực hiện đầu tư, kinh doanh vào Cuba trong các lĩnh vực vật liệu (sứ vệ sinh, gạch ốp lát), hạ tầng khu công nghiệp, bất động sản nghỉ dưỡng (khu nghỉ dưỡng đồng bộ resort, sân golf, biệt thự ...) trên cơ sở góp vốn/tăng vốn theo tiến độ tại Liên doanh SANVIG (lĩnh vực vật liệu), Công ty ViMariel-CTCP (lĩnh vực KCN, bất động sản nghỉ dưỡng);

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và các chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty

1) Viglacera - Định hướng khách hàng

Đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, Viglacera luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách hàng qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao. Viglacera luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Định hướng khách hàng tại Viglacera là sự cải tiến hiệu quả quản lý, hiệu quả các quy trình làm việc với quan điểm tất cả cùng hướng về khách hàng. Nhờ vậy, Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm được khách hàng và xã hội đón nhận. Sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera được biết đến rộng rãi và nắm giữ thị phần lớn tại thị trường Việt Nam; sản phẩm nhà ở dành cho người thu nhập thấp được xã hội đón nhận; Các Khu công nghiệp của Viglacera được nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới lựa chọn đặt nhà máy...

2) Viglacera - Chất lượng sản phẩm

Chất lượng là sự đầu tư không ngừng cho khoa học, công nghệ và là sự tiên phong tạo ra những sản phẩm đi tắt đón đầu, phù hợp với thị hiếu của khách hàng, xu hướng phát triển bền vững của ngành. Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Các sản phẩm bất động sản của Viglacera, dù thiết kế dành cho người thu nhập thấp, vẫn đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về kỹ thuật và công năng. Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của Viglacera trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn phát triển.

3) **Viglacera - Trách nhiệm xã hội**

Viglacera là đơn vị tiên phong trong việc phát triển các vật liệu “xanh”, thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng. Viglacera luôn đề cao ý thức phục vụ xã hội, thể hiện cụ thể thành các mục tiêu kinh doanh như chiến lược phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường.

4.4. **Các rủi ro và quản lý rủi ro**

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như sau:

1) **Rủi ro cạnh tranh**

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tổng công ty là vật liệu xây dựng và bất động sản, trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Đánh giá các yếu tố rủi ro chủ yếu về thị trường trong cả 2 lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty như sau:

- Lĩnh vực vật liệu: Luôn có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu theo các Hiệp định, Diễn đàn hợp tác thương mại khu vực và thế giới; trong đó chủ yếu là các yếu tố về giá cả, chất lượng, hàm lượng công nghệ, tiện ích sử dụng và mẫu mã; đặc biệt đối với các sản phẩm mới trong giai đoạn đầu của chu kỳ sản phẩm, sẽ có những rủi ro, khó khăn về thị trường từ yếu tố thói quen tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu;

- Đối với lĩnh vực bất động sản: Rủi ro về thị trường dẫn đến hàng tồn kho tăng, dòng tiền ứ đọng; Đặc biệt là sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và tiện ích...

Như vậy những rủi ro cạnh tranh từ hai lĩnh vực nêu trên là nguy cơ dẫn đến mất khách hàng quan trọng, các đối tác chiến lược trong lĩnh vực hoạt động.

Giải pháp:

- Thực hiện các giải pháp quản trị đồng bộ đã và đang được triển khai đó là: nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường – sản phẩm mới - nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm - giá cả hợp lý - chất lượng dịch vụ.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối của Viglacera, đảm bảo phủ khắp thị trường nội địa và có hệ thống đại diện phân phối tại thị trường xuất khẩu; Phát triển mô hình chuyên môn hóa theo nhóm sản phẩm, bộ sản phẩm đồng bộ đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

- Nâng cao chất lượng, mức độ kiểm soát, đánh giá từ xác định mục tiêu, công tác lập và triển khai kế hoạch một cách thường xuyên, nâng cao tính liên kết giữa kế hoạch ngắn hạn và chiến lược trung và dài hạn; thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức phòng, ban chuyên trách theo từng lĩnh vực, nhóm sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân.

- Nắm bắt cơ hội của sự tăng trưởng của nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng; đặc biệt đối với các vật liệu mới, công nghệ mới để triển khai nhanh các dự án đầu tư sản phẩm mới trong lĩnh vực kính, sứ vệ sinh và gạch ốp lát, cũng như phát triển các sản phẩm mới, chế biến nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp vật liệu... Qua đó, nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong nước cũng như sản phẩm nhập khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Nắm bắt cơ hội của sự tăng trưởng về thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhu cầu thị trường nhà ở cho cán bộ công nhân; định hướng tập trung đầu tư và kinh doanh vào các sản phẩm bất động sản hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ khu công nghiệp, phát triển phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp và bất động sản nghỉ dưỡng, cao cấp. Qua đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ổn định và bền vững, hạn chế ảnh hưởng từ các rủi ro nêu trên.

2) **Rủi ro về chính sách quản lý**

Chính sách quản lý của Nhà nước cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng, xuất hiện các rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp, từ các vấn đề trọng tâm như sau:

- “Độ trễ” của chính sách pháp lý liên quan (ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn...) sẽ có ảnh hưởng khó khăn cho công tác phát triển thị trường, trong định hướng tiêu thụ khi triển khai các dự án đầu tư, phát triển các sản phẩm mới... Đồng thời, sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước sẽ đem đến rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế; cũng như trong việc triển khai các hoạt động SXKD trong mục tiêu kế hoạch hàng năm/ngắn hạn như trong quản lý quy hoạch, đất đai, sử dụng tài nguyên...

- Đồng thời, chính sách quản lý về kinh tế vĩ mô được điều chỉnh, vận hành thông qua hai công cụ chủ yếu là lạm phát và lãi suất. Trong đó, lạm phát cơ bản ổn định có mặt tích cực là ổn định được mặt bằng giá cả, tuy nhiên nếu ở mức thấp sẽ ảnh hưởng đến yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, là yếu tố rủi ro rào cản phát triển và khai thác hiệu quả của ngành. Đồng thời yếu tố lãi suất và cơ cấu tín dụng cũng là yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến khả năng bố trí, giải ngân vốn và chi phí vốn cho đầu tư phát triển, hoạt động SXKD.

- Chính sách quốc gia trong quan hệ quốc tế ảnh hưởng đến khả năng quản lý, mở rộng các khu vực thị trường xuất khẩu.

Giải pháp:

- Thường xuyên bám sát, cập nhật cũng như có các đánh giá dự báo về chính sách quản lý nhà nước, đặc biệt liên quan đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

- Triển khai chương trình đầu tư phát triển với các dự án đầu tư các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao như đã nêu trên; đảm bảo khai thác nhanh hiệu quả vốn đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; hạn chế các yếu tố rủi ro về lạm phát, lãi suất... và tận dụng cơ hội, điều kiện thuận lợi của chính sách quản lý nhà nước về khuyến khích phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường; các dự án trong lĩnh vực bất động sản và phát triển KCN và nhà ở cho CBCNV, đáp ứng phát triển kinh tế công nghiệp, phục vụ an sinh xã hội.

3) Rủi ro công nghệ và quản trị

- Rủi ro về công nghệ: Chủ yếu trong lĩnh vực vật liệu, với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yếu tố rủi ro mang đến là khả năng lạc hậu về công nghệ, nhân lực chất lượng cao, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí...

- Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng của hoạt động quản trị có những rủi ro tiềm ẩn, có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp; Tuy nhiên, thực tế khó nhận biết và dự báo trước được những rủi ro này. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp.

Giải pháp:

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển kết hợp với đi tắt đón đầu về công nghệ gốc trên cơ sở đầu mối là Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera kết hợp với hợp tác với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm đáp ứng Kế hoạch phát triển trung và dài hạn; phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, định hướng kinh doanh và cam kết với xã hội, cộng đồng đã đặt ra.

- Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Trong đó, dành một phần nguồn lực tập trung đầu tư thiết lập và nâng cao quản trị rủi ro đủ mạnh; đặc biệt đầu tư cho hệ thống ERP (đưa công nghệ thông tin ứng dụng trong hệ thống quản trị) đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD.

4) Rủi ro chính trị quốc gia

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành

sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Tổng công ty nhập khẩu công nghệ, thiết bị, vật tư và nguyên vật liệu từ các nước như Ý, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc và xuất khẩu sản phẩm chủ yếu sang Đài Loan, Cuba, Ấn Độ, Nga, Thái Lan, Malaysia, Philipine, Campuchia, Pháp, Úc, Ý, Mỹ, Bangladesh, ...

Rủi ro này ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển thị trường và kế hoạch xuất khẩu của Viglacera trong chiến lược phát triển, liên quan đến sự bất ổn chính trị, chính sách tại quốc gia, khu vực của thị trường xuất khẩu.

Giai đoạn 2019-2020 đã chứng kiến một số sự kiện lớn có tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới gây ra lo ngại về các quan hệ hợp tác nội khối trong tương lai, đặc biệt là các vấn đề cạnh tranh thương mại, những xung đột và bất đồng giữa các nước có nền kinh tế lớn, các hiệp định thương mại, những bất ổn an ninh; Đặc biệt tại các khu vực thị trường nhập khẩu và xuất khẩu, các dự án đầu tư có mục tiêu xuất khẩu của Tổng công ty. Viglacera sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng ngừa đó là kiểm soát và giám sát chặt chẽ thường xuyên các ảnh hưởng; chú trọng phân tích môi trường đầu tư, chính trị khi triển khai phát triển thị trường mới.

5) Rủi ro về môi trường, thiên tai, bệnh dịch

Trong năm 2019-2020, Việt Nam và thế giới đã trải qua giai đoạn bùng phát của dịch Covid-19, ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế xã hội toàn cầu và trong nước; Bên cạnh đó, là tình hình thiên tai bão lũ, ô nhiễm môi trường, khi hậu do đánh đổi của các quốc gia với phát triển kinh tế cũng là yếu tố tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của các doanh nghiệp.

Trong đó, đối với Tổng công ty nói riêng, hoạt động SXKD và đầu tư bị ảnh hưởng. Theo đó, do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh, thiên tai bão lũ đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu thị trường; Nhu cầu xây dựng, VLXD giảm, hệ thống bán hàng trực tiếp (hệ thống đại lý, cửa hàng, showroom...) bị đứt gãy, làm giảm khả năng kinh doanh; Áp lực cạnh tranh của thị trường trong nước tăng mạnh (đặc biệt các nhóm sản phẩm chủ đạo như kính, sứ, gạch ốp lát) do các doanh nghiệp thực hiện các chính sách xả hàng tồn kho, thu hồi vốn dẫn đến giá bán giảm sâu ảnh hưởng đến hiệu quả. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ xuất nhập cảnh, trong giai đoạn dịch làm ảnh hưởng tới công tác xuất khẩu, tiến độ đầu tư, tiến độ ký kết hợp đồng, bàn giao hạ tầng, mặt bằng tại một số đơn vị của Tổng công ty.

Những vấn đề này là rủi ro đối với doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty Viglacera-CTCP; đặc biệt ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tiêu thụ (bao gồm xuất khẩu), nguồn cung ứng nguyên nhiên vật liệu cho hoạt động sản xuất (đặc biệt sử dụng các nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu). Đồng thời, các định chế, quy định pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường tại Việt Nam, cũng như trên toàn cầu hiện nay đang được các nước chú trọng, siết chặt trong quản lý vĩ mô.

Giải pháp

Những vấn đề rủi ro từ những yếu tố này đã được Viglacera xem xét trong giai đoạn phát triển từ trước tới nay; điều này thể hiện ở kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2020 vẫn đảm bảo duy trì mức độ tăng trưởng trong cả 2 lĩnh vực cho thấy các giải pháp phòng ngừa, hạn chế và xử lý các rủi ro mà Viglacera đã và đang triển khai đồng bộ trong 2 lĩnh vực là hiệu quả; Theo đó:

- Đối với lĩnh vực vật liệu:

Chiến lược và các giải pháp đầu tư phát triển các dòng sản phẩm "xanh", "thân thiện môi trường", các sản phẩm công nghệ cao trong các lĩnh vực sản phẩm chủ đạo như kính, sứ, gạch ốp lát (kính tiết kiệm năng lượng, sứ - gạch ốp lát cao cấp, sản phẩm bê tông khí...) và tiếp tục đầu tư phát triển các dòng sản phẩm công nghệ cao trong định hướng chiến lược phát triển của Viglacera.

Đồng thời, đầu tư cho giải pháp công nghệ-kỹ thuật, đổi mới dây chuyền thiết bị ... là các giải pháp trọng tâm để tối đa hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu, giảm chi phí, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; Giảm thiểu tối đa sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch (than, xăng dầu...) và các nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu.

- Đối với lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản:

Quá trình hoạt động từ trước đến nay và định hướng, mục tiêu phát triển xuyên suốt của Viglacera trong lĩnh vực này đã được nêu tại Khoản 4.2 Mục 4 Phần I:

+ Đối với Khu đô thị và nhà ở: Phát triển các công trình khu đô thị và nhà ở "xanh", sử dụng vật liệu đồng bộ của Viglacera. Theo đó, các Khu đô thị và nhà ở tiêu biểu của Viglacera đã được trao tặng/vinh danh các giải thưởng khu đô thị nhà ở đạt chuẩn quốc tế, an toàn...

+ Đối với Khu công nghiệp và dịch vụ: Phát triển các KCN có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với các ngành nghề công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu môi trường bền vững. Các khu công nghiệp của Viglacera đều được đầu tư đồng bộ các trạm xử lý nước thải tuân thủ theo các quy định về quản lý môi trường của nhà nước, song song đó là đầu tư các Nhà máy xử lý, cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt, hạn chế và dần không sử dụng nguồn nước ngầm ... Đồng thời, tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống các nhà máy xử lý rác thải, xử lý chất thải ... trong kế hoạch đầu tư phát triển lĩnh vực hạ tầng KCN, dịch vụ của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

1. Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2020

1.1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm

Năm 2020, tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều biến động ảnh hưởng bất lợi nhưng cũng có những cơ hội, điều kiện thuận lợi đối với hoạt động của Tổng công ty được đánh giá tóm tắt như sau:

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh và thiên tai bão lũ đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của thị trường; đặc biệt tại các khu vực thị trường miền Trung và một số tỉnh miền Nam; Theo đó, nhu cầu thị trường xây dựng và VLXD giảm, hệ thống bán hàng trực tiếp (thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng, showroom...) bị đứt gãy, làm giảm khả năng kinh doanh. Đồng thời, áp lực cạnh tranh của thị trường trong nước gia tăng mạnh (đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm chủ đạo như kính, sứ, gạch ốp lát) do các doanh nghiệp thực hiện các chính sách xả hàng tồn kho, thu hồi vốn dẫn đến giá bán giảm sâu ảnh hưởng đến hiệu quả. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ xuất nhập cảnh, trong giai đoạn dịch làm ảnh hưởng tới công tác xuất khẩu, tiến độ đầu tư, tiến độ ký kết hợp đồng, bàn giao hạ tầng, mặt bằng tại một số đơn vị của Tổng công ty.

- Tuy nhiên, diễn biến giá xăng dầu có thời điểm giảm mạnh, là điều kiện giảm chi phí nhiên liệu trực tiếp cũng như giảm chi phí nguyên liệu đầu vào và giá thành sản xuất. Yếu tố cạnh tranh thương mại Trung-Mỹ cũng như các hiệp định thương mại tự do song/đa phương (với Nhật, Canada, Mỹ, châu Âu...) là cơ hội cho việc gia tăng xuất khẩu sản phẩm, thu hút đầu tư FDI nước ngoài vào Việt Nam.

Với những định hướng đúng đắn, các mục tiêu cụ thể xuyên suốt và các giải pháp trọng tâm đúng và trúng trong quá trình thực hiện, Kết quả Tổng công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2020 được ĐHCĐ giao, thể hiện qua số liệu như sau:

Lợi nhuận trước thuế:

+ Lợi nhuận hợp nhất Tổng công ty Viglacera-CTCP đạt 841 tỷ đồng đạt 112% KH ĐHCĐ giao;

+ Lợi nhuận Công ty Mẹ đạt 736 tỷ đồng vượt 23% KH được ĐHCĐ giao, tăng 17 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019;

Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến là 11%, cao hơn 0,5% theo cam kết với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là 10,5%;

Doanh thu:

+ Doanh thu hợp nhất Tổng công ty Viglacera-CTCP đạt 9.433 tỷ đồng đạt 114% KH được ĐHCĐ giao;

+ Doanh thu Công ty Mẹ đạt 3.918 tỷ đồng đạt 109% KH được ĐHCĐ giao.

Tình hình quản lý, sử dụng vốn:

Tình hình tài chính của Công ty Mẹ được vận hành, sử dụng và bảo toàn vốn có hiệu quả; tăng trưởng về lợi nhuận, thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả sinh lời năm 2020 như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Công ty mẹ là 19% ;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE của Công ty mẹ là 9,82% ;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA Công ty mẹ là 3,57%.

+ Hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại 31/12/2020 (đã loại trừ doanh thu chưa thực hiện) đạt 1,3 lần; hợp nhất toàn Tổng công ty là 1,6 lần.

Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2020 là 2.106 tỷ đồng. Nguồn thu cổ tức từ các công ty con và công ty liên kết vẫn đảm bảo ổn định; trong năm 2020, lợi nhuận thu được từ cổ tức đạt 83,79 tỷ đồng và tỷ suất cổ tức thu được/ vốn đầu tư đạt 3,98%. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty đảm bảo hiệu quả sinh lời, hiệu quả hoạt động đạt và vượt mục tiêu lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức dự kiến đạt và vượt kế hoạch cam kết với ĐHĐCĐ, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Tổng công ty không đầu tư ra ngoài ngành cũng như vào những ngành có rủi ro cao.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Với những chỉ tiêu chính kết quả hoạt động SXKD năm 2020 đạt được nêu trên. Tổng quan kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty Viglacera-CTCP là khả quan, hoàn thành mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận; Đặc biệt Công ty Mẹ tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì và hoàn thành tốt chỉ tiêu Lợi nhuận vượt kế hoạch cam kết với ĐHĐCĐ. Trong đó:

- Lĩnh vực vật liệu: Tuy doanh thu đạt mục tiêu kế hoạch, nhưng chỉ tiêu hiệu quả được xem xét là chưa đạt mục tiêu kế hoạch (85%). Điều này được xem xét đánh giá tổng quan với các nguyên nhân chủ yếu như sau:

+ Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực VLXD, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm kính, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, giá bán giảm sâu, các đơn vị sản xuất kinh doanh VLXD trong Tổng công ty đồng loạt phải điều chỉnh giảm sản lượng sản xuất, duy trì sản xuất tối thiểu, chỉ tập trung sản xuất các sản phẩm có hiệu quả, khả năng tiêu thụ tốt ...để cân đối và hạn chế tăng hàng tồn kho, ứ đọng vốn... Dự nợ và giá trị tồn kho tuy có xu hướng tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát tốt.

+ Ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên thế giới gây suy thoái kinh tế trên toàn cầu, trong đó có các khu vực thị trường xuất khẩu chủ yếu của Tổng công ty.

- Lĩnh vực bất động sản:

Tuy có bị ảnh hưởng từ yếu tố dịch bệnh, tuy nhiên tận dụng cơ hội chuyển dịch đầu tư nước ngoài, Viglacera đã tập trung, chủ động triển khai đầu tư và kinh doanh khai thác hiệu quả lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN, nhà ở xã hội trong lĩnh vực bất động sản, khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có. Do đó, kết quả hoạt động của lĩnh vực bất động sản đều đạt và vượt mục tiêu kế hoạch.

Với những kết quả đạt được nêu trên, năm 2020 tiếp tục ghi nhận là một năm hoạt động thành công của Tổng công ty Viglacera – CTCP, duy trì vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản tại Việt Nam. Với các giải thưởng thương hiệu uy tín đạt được: Lần đầu tiên vinh danh “Top 50 thương hiệu Việt Nam dẫn đầu” (do Forbes khảo sát bình chọn), Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Asean (Asean Brands Award)”; Lần thứ 5 liên tiếp đạt giải thưởng “Thương hiệu Quốc gia”, lần thứ 3 liên tiếp đứng trong top đầu ngành sản xuất VLXD của “Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)”.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành của Tổng Công ty

Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (chốt ngày 31/12/2020)
1. Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Thạc sĩ QTKD; Kỹ sư Vật liệu xây dựng	584.500 CP/ 0,12%
2. Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	510.900 CP/ 0,11%
3. Ông Hoàng Kim Bồng	Phó Tổng giám đốc	Thạc sĩ QTKD; Kỹ sư Vật liệu xây dựng	74.000 CP/ 0,02%
4. Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư kinh tế	220.000 CP/ 0,05%
5. Ông Lương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	0
6. Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Hóa Silicat	102.000 CP/ 0,02%
7. Ông Ngô Trọng Toán	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ QTKD	72.000 CP/ 0,02%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành của Tổng công ty

a. Bổ sung 02 Phó Tổng giám đốc năm 2020:

- Ông Lương Thanh Tùng – Kỹ sư xây dựng, bổ nhiệm từ ngày 01/10/2020;
- Ông Nguyễn Minh Khoa- Kỹ sư Hóa Silicat, bổ nhiệm từ ngày 01/10/2020.

b. Bổ sung 01 Phó Tổng giám đốc năm 2021:

- Ông Quách Hữu Thuận – Kỹ sư Hóa Silicat, Thạc sỹ QTKD, bổ nhiệm từ ngày 01/03/2021;

2.3. Số lượng CBCNV toàn Tổng Công ty

Tổng số cán bộ CNV bình quân toàn Tổng công ty đến 31/12/2020 là 8.221 người

2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Tại Viglacera, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng và đãi ngộ; tuyển dụng, đào tạo và phát triển đang từng bước được hoàn thiện, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Tổng số lao động của Viglacera tính đến 31/12/2020 là 8.221 người, trong đó đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỉ trọng cao, hầu hết người lao động đều có kỹ thuật tay nghề giỏi đã qua đào tạo. Đội ngũ lãnh đạo có chuyên môn cao, kinh nghiệm và năng lực quản lý, gắn bó trên 05 năm giúp Tổng công ty đảm bảo sự nhất quán trong điều hành chiến lược và tính định hướng kế thừa với đội ngũ lao động trẻ tuổi. Ban lãnh đạo Viglacera luôn chú trọng tới việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và là nhân tố không thể thiếu góp phần vào phát triển bền vững của Viglacera trong tương lai.

1) Chính sách phát triển chất lượng nguồn nhân lực: Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty. Trong những năm gần đây, Công ty mẹ – Tổng công ty nói chung và các đơn vị trong Tổng công ty nói riêng đã chú trọng tăng cường bổ sung nguồn chuyên gia cao cấp. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã thực hiện triển khai công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, đầu tư phát triển cho Trường Đào tạo, Viện nghiên cứu.

2) Chính sách lương, thưởng: Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp,... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

3) Chính sách đãi ngộ: Tổng Công ty đã áp dụng những chính sách đãi ngộ về cơ sở vật chất, môi trường làm việc, đào tạo và phúc lợi tốt nhằm tạo gắn kết giữa nhân viên và Tổng công ty.

4) Chính sách đào tạo: Tổng công ty thường xuyên liên kết với Trường Đại học xây dựng, Đại học Bách khoa mở các lớp đào tạo Thạc sĩ kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ Tổng công ty và các đơn vị. Hợp tác với các trường trong việc tổ chức đào tạo, lựa chọn các sinh viên năm cuối với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty và ban hành cơ chế chính sách thu hút các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác tại Tổng công ty.

5) Chính sách cổ tức: Chính sách cổ tức cụ thể qua từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, theo hướng trước tiên đảm bảo lợi ích của các cổ đông, cùng với sự phát triển bền vững của Tổng công ty có gắn liền hài hòa với quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Đầu tư dự án

Năm 2020, tổng giá trị đầu tư phát triển của Tổng công ty Viglacera-CTCP là **2.690 tỷ đồng**, đạt 103% kế hoạch ĐHCĐ giao. Trong đó, lĩnh vực bất động sản là 2.668 tỷ đồng; lĩnh vực vật liệu, nghiên cứu phát triển, đào tạo là 23 tỷ đồng.

- Lĩnh vực bất động sản:

Tập trung triển khai các dự án đầu tư hạ tầng KCN và nhà ở xã hội đang triển khai và đầu tư mới theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020, gồm:

+ Đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN: Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật/dịch vụ (bao gồm hệ thống các trạm xử lý nước thải, cung cấp nước sạch...) tại các KCN đang triển khai như: Hải Yên (182,4 ha), Đông Mai (160ha) tại Quảng Ninh; Phú Hà GD1 (356 ha) tại Phú Thọ; Đồng Văn IV GD1,2 (300ha) tại Hà Nam; Tiền Hải (294 ha) tại Thái bình; Yên Phong IIC (221 ha) và Yên phong mở rộng (314 ha) tại Bắc Ninh; Phong Điền (284 ha) tại Huế; Yên Mỹ (280 ha) tại Hưng Yên. Đồng thời, khảo sát và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các KCN mới như: Thuận Thành I (249,75 ha), Đông Mai mở rộng (~145 ha); Tiền Hải mở rộng (329 ha); Phú Hà mở rộng (100ha); Tổ hợp KCN - Nhà ở - Dịch vụ tại Yên Bái (496 ha) ... cho kế hoạch đầu tư năm 2021. Theo đó, tổng số diện tích cho thuê hạ tầng KCN cả năm đạt khoảng 137 ha và đền bù giải phóng mặt bằng đạt 356ha; Tổng diện tích đất công nghiệp đã đầu tư hạ tầng chưa cho thuê khoảng 294 ha (trong đó đất công nghiệp sẵn sàng cho thuê 68 ha, đất công nghiệp đang đầu tư hạ tầng dở dang 226ha).

+ Nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN với các dự án trọng điểm: Nhà TNT Kim Chung (484 căn), Nhà ở xã hội 9,8ha tại Yên Phong-Bắc Ninh (512 căn), Nhà ở CN KCN Đồng văn (168 căn), Nhà ở CN KCN Phú Hà (134 căn); Các hạng mục/tiểu dự án nhà ở thấp tầng tại các khu đô thị hiện có như Đặng xá, Xuân Phương (Hà Nội), Đồng Văn (Hà Nam), Phú Hà (Phú Thọ).

- Lĩnh vực vật liệu, nghiên cứu phát triển và đào tạo: Do ảnh hưởng của dịch bệnh và các yếu tố thiên tai tại đến thị trường (trong nước/xuất khẩu), hoạt động đầu tư chủ yếu là tập trung đầu tư chiều sâu về giải pháp công nghệ/bổ sung thiết bị tại các nhà máy sản xuất, đồng thời đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu giải pháp công nghệ/kỹ thuật, đào tạo và kiểm soát chất lượng để phát triển các sản phẩm mới, tiết giảm chi phí ... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm/doanh nghiệp.

Mặt khác, tại Công ty TNHH kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (Tổng công ty sở hữu 35% vốn điều lệ): Hoàn thành và đưa dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng Phú Mỹ- công suất 600 tấn/ngày vào vận hành; bước đầu trong giai đoạn sản xuất thử, nghiệm thu các chỉ tiêu về tiêu hao nhiên liệu, chất lượng, tỷ lệ thu hồi đạt tốt hơn so với mục tiêu dự án.

b. Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện lộ trình tăng vốn, thoái vốn tại một số đơn vị. Chi tiết các khoản đầu tư tăng/thoái vốn như sau:

TT	Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Số vốn đầu tư thêm (+)/ thoái vốn (-)
1	Công ty Cổ phần Vinafacade	Kinh doanh lắp đặt kính xây dựng	-2.753
2	Công ty Cổ phần Bá Hiến	Sản xuất và kinh doanh gạch	-4.349

Ngày 10/1/2020, Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 184.668 cổ phần của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Vinafacade theo chủ trương tại Nghị quyết số 02/TCT-NQĐHĐCĐ ngày 26/6/2019 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;

Ngày 23/06/2020, Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 511.711 cổ phần của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bá Hiến theo chủ trương tại Nghị quyết số 107/TCT-NQĐHĐCĐ ngày 19/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;

Như vậy, các Công ty Cổ phần Vinafacade, Công ty Cổ phần Bá Hiến không còn là công ty con của Tổng công ty; Do đó, Bảng tổng hợp thông tin về công ty con của Tổng công ty nêu trên không trình bày thông tin về các công ty này.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

a. Các công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại 31/12/2020 (triệu đồng)	DTT 2020 (triệu đồng)
1. CTCP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ốp lát	69.898	51,07%	350.198	582.338
2. CTCP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	195.000	51,00%	960.923	1.291.455
3. CTCP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	SX và KD gạch ốp lát	56.000	51,00%	407.209	556.691
4. CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%	71.662	79.050
5. CTCP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	Kinh doanh gạch ốp lát	30.000	51,02%	503.702	2.969.132
6. CTCP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	26.250	92,82%	100.620	240.572
7. CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	63.000	59,96%	145.650	215.764
8. CTCP Thương mại Viglacera	Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	79,83%	290.223	1.175.415
9. CTCP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	SX gạch chịu áp	65.000	96,19%	104.043	77.827
10. CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu (Hợp nhất)	Bắc Ninh	SX và KD kính/ KD lắp dựng kính xây dựng	300.000	86,41%	182.995	54.621
11. CTCP Viglacera Vải Hải	Quảng Ninh	Khai thác và KD cát, du lịch	291.985	95,02%	328.728	55.633
12. CTCP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%	38.259	88.722
13. CTCP Viglacera Hạ Long (Hợp nhất)	Quảng Ninh	SX và KD gạch/ KD Vật liệu xây dựng	250.000	50,48%	1.246.996	1.898.309
14. CTCP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	SX và KD gạch	15.625	55,92%	33.930	6.109
15. CTCP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	SX và KD gạch	10.050	51,00%	22.577	46.708
16. CTCP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	SX và KD gạch	7.500	51,00%	25.387	40.849
17. CTCP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các công trình	3.000	76,89%	15.995	13.882
18. CTCP Phát triển KCN Yên Mỹ - Hưng Yên	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng, cho thuê CSHT KCN	50.000	60,00%	745.827	20
19. Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	Kinh doanh hạ tầng KCN	5.000.000 (USD)	99,90%	220.016	1.558
20. Cty TNHH CHAO - Viglacera	Hà Nội	Dịch vụ du lịch, nhà hàng	3.146	100,00%	3.689	0

b. Các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động KD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại 31/12/2020 (triệu đồng)	DTT 2020 (triệu đồng)
1. Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	30,00%	1.085.930	1.015.768
2. Công ty TNHH Kính Nổi Siêu trắng Phú Mỹ	Vũng Tàu	SX và KD Kính	886.000	35,00%	2.604.390	-
3. CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	20.000	25,00%	87.465	105.208
4. CTCP Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	SX và KD gạch	20.002	24,93%	48.932	18.596
5. CTCP Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	SX và KD gạch	10.000	26,00%	48.275	36.336
6. CTCP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Hà Nội	SX và KD Gạch chịu lửa	5.000	25,00%	46.540	28.147
7. Công ty SanVig - CTCP	Cuba	SX và KD các sản phẩm gốm sứ, vật liệu và các sản phẩm XD khác	39.859.960 (USD)		754.817	313.323

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
I. Tình hình tài chính						
Tổng giá trị tài sản	16.973.723.064.033	15.526.134.553.927	9,32%	21.323.239.970.549	19.802.923.922.941	7,70%
Doanh thu thuần	3.917.687.485.671	4.235.358.679.248	-7,50%	9.433.048.985.280	10.145.641.675.447	-7,00%
Lợi nhuận từ HĐKD	734.238.286.592	702.522.916.193	4,51%	866.382.699.987	989.404.731.167	-12,40%
Lợi nhuận khác	1.657.187.465	16.565.614.664	-90,00%	-25.681.647.992	-19.264.529.979	33,30%
Lợi nhuận trước thuế	735.895.474.057	719.088.530.857	2,34%	840.701.051.995	970.140.201.188	-13,30%
Lợi nhuận sau thuế	606.461.155.044	595.861.887.947	1,78%	667.309.818.620	759.369.932.796	-12,10%
% Lợi nhuận chi trả cổ tức	81,32%	82,77%				
II. Các chỉ tiêu chủ yếu						
1. Khả năng thanh toán						
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TS Ngắn hạn/Nợ ngắn)	1,00	1,47		0,93	1,20	
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSNH – Tiền kho) / Nợ NH:	0,51	0,88		0,46	0,67	
2. Cơ cấu vốn						
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,61		0,67	0,65	
+ Hệ số Nợ/VCSH	1,75	1,53		2,04	1,82	
3. Năng lực hoạt động						
+ Vòng quay HTK (Giá vốn/HTK bình quân)	1,39	1,69		2,10	2,44	
+ DT thuần/Tổng tài sản bình quân	0,24	0,30		0,46	0,56	
4. Khả năng sinh lời						
+ Hệ số LNST/DTT	15,48%	14,07%		7,07%	7,48%	
+ Hệ số LNST/VCSH	9,86%	9,79%		9,51%	10,94%	
+ Hệ số LNST/Tổng TS	3,73%	4,21%		3,25%	4,18%	
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	18,78%	16,98%		8,91%	9,56%	

5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ	4.483.500.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	448.350.000 CP
Số lượng cổ phiếu do Nhà nước nắm giữ tại 31/12/2020	172.985.262 CP
Cổ phiếu quỹ	0 CP

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/07/2020 (ngày chốt ĐHCĐ thường niên 2020):

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước:				
1. Bộ Xây dựng:	1	172.985.262	1.729.852.620.000	38,58%
2. Tổ chức trong nước khác:	34	152.238.189	1.522.381.890.000	33,96%
3. Cá nhân trong nước	2.612	78.523.897	785.238.970.000	17,51%
II. Nước ngoài:			0	
1. Tổ chức nước ngoài:	42	44.325.244	443.252.440.000	9,89%
2. Cá nhân nước ngoài:	58	277.408	2.774.080.000	0,06%
Tổng cộng:		448.350.000	4.483.500.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2020, Tổng Công ty Viglacera - CTCP không có sự thay đổi vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2020, Tổng Công ty Viglacera – CTCP không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác

Năm 2020, Tổng Công ty Viglacera – CTCP không phát chứng khoán ra thị trường.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Đối với lĩnh vực vật liệu:

Các sản phẩm vật liệu chính của Tổng công ty sản xuất bao gồm kính, sứ vệ sinh-sen vòi, gạch ốp lát. Theo đó nhiên liệu sử dụng hiện nay chủ yếu của các nhà máy sản xuất về cơ bản đã được Tổng công ty chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch (khí thiên nhiên, LPG ...), đồng thời các nhà máy hầu hết được đặt tại các KCN tập trung, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Do đó, hạn chế tối đa phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

- Đối với lĩnh vực bất động sản:

Các yếu tố tác động môi trường chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN. Tuy nhiên, trong định hướng, chiến lược phát triển và các nội dung đã, đang triển khai trong lĩnh vực này, các KCN của Tổng công ty đều được đầu tư đồng bộ hạ tầng đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật chặt chẽ liên quan đến bảo vệ môi trường đối với đầu tư kinh doanh KCN; Ngành nghề kinh doanh đầu tư trong KCN chủ yếu là công nghiệp sạch nên đảm bảo hạn chế tối đa phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm/dịch vụ

Lĩnh vực vật liệu của Tổng công ty với các sản phẩm chính trong các lĩnh vực/nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng kính và sản phẩm gia công sau kính, sứ vệ sinh – sen vòi đồng bộ, gạch ốp lát ceramic-granite với nhiều loại nguyên liệu chính sử dụng sản xuất là cát, đất sét trắng, feldspar, dolomite... và một số nguyên liệu nhập khẩu (soda, đất sét và các phụ gia, nguyên vật liệu khác). Đối các nguyên liệu trong nước được cung cấp từ các nhà sản xuất trong nước (có mỏ và được chế biến), được nhập theo nhu cầu sản xuất, dự trữ trong khoảng thời gian hợp lý. Mặt khác, Tổng công ty cũng đã có đơn vị được cấp phép khai thác, chế biến nguyên liệu feldspar, cát.

b. Về việc nguyên vật liệu tái chế được sử dụng sản xuất:

Về cơ bản nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất là đặc thù; chủ yếu sử dụng phế phẩm quay vòng sử dụng cho phối liệu để sản xuất, hạn chế tối đa chất thải rắn. Trong định hướng phát triển xanh của Tổng công ty, Viglacera đã và đang nghiên cứu phát triển các sản phẩm "xanh", "thân thiện môi trường" trong đó có sử dụng các nguyên liệu là phế phẩm của các nhà máy công nghiệp (ví dụ: nghiên cứu tro/xỉ, tro bay của các nhà máy nhiệt điện để sản xuất sản phẩm bê tông khí chưng áp trên cơ sở kết quả Dự án KH-CN cấp nhà nước và hợp tác quốc tế).

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng sử dụng trực tiếp cho hoạt động SXKD của Tổng công ty là nhiên liệu. Với mục tiêu phát triển bền vững, "xanh" và thân thiện môi trường, các Nhà máy sản xuất của Viglacera đã triển khai các giải pháp chuyển đổi sang sử dụng các nhiên liệu sạch (khí thiên nhiên), các giải pháp thu hồi, sử dụng nhiệt dư từ khí thải lò nung để tiết giảm tối đa nhiên liệu sử dụng, giảm tác động môi trường và tiết kiệm chi phí.

Đối với sử dụng điện: Chủ yếu cho vận hành các thiết bị sản xuất và sử dụng văn phòng. Theo đó, bố trí phân ca hợp lý, giảm thiểu sử dụng trong giờ cao điểm để tiết giảm điện năng.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Như trên đã phân tích, Viglacera đã và đang triển khai tích cực các giải pháp để tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Theo đó, một số các giải pháp/sản phẩm đã và đang triển khai như:

- Đầu tư cho nghiên cứu, mua sắm, cải tiến công nghệ/thiết bị: Để sử dụng tối đa nhiệt dư từ khí thải lò nung; Gia tăng hiệu suất sử dụng nhiệt của các dây chuyền trong quá trình sản xuất...;

- Nghiên cứu, đầu tư phát triển sản xuất các dòng sản phẩm tiết kiệm năng lượng như: kính tiết kiệm năng lượng, gạch và panel bê tông khí ... để cung cấp cho thị trường sử dụng vào các công trình/sản phẩm, tiết giảm được lượng, chi phí điện năng; sản xuất kính siêu trắng cung cấp cho sản xuất pin năng lượng mặt trời thay thế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch để sản xuất điện năng, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, tiết kiệm tài nguyên...

- Nghiên cứu đầu tư phát triển các dòng sản phẩm sứ vệ sinh-gạch ốp lát cao cấp đồng bộ, đa tính năng với giải pháp công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu nhưng có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm vật liệu cao cấp, không nung để tiết giảm hao phí nhiên liệu, khí thải, chất thải ... thân thiện môi trường và có hiệu quả kinh tế cao như trong Chiến lược phát triển của Tổng công ty đã nêu.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Như trên đã đề cập, trong quá trình hoạt động cũng như định hướng, chiến lược phát triển bền vững của Tổng công ty, Viglacera liên tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp/đề tài nghiên cứu/sáng kiến khoa học công nghệ, kỹ thuật kết hợp với việc hợp tác quốc tế để thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng hiệu quả. Theo đó, một số các sáng kiến tiêu biểu đã thực hiện và ứng dụng trong hoạt động SXKD như sau:

- Nghiên cứu, đầu tư và sản xuất sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng và tiếp tục phát triển đa dạng các dòng sản phẩm đưa vào sử dụng trong các công trình tiết kiệm được điện năng sử dụng, nâng cao tính thẩm mỹ của công trình và các tiện ích/công năng khác.

- Triển khai hoàn thành Dự án KHCN cấp nhà nước (đã được nghiệm thu): Sản xuất sản phẩm bê tông khí chưng áp (không nung) thay thế vật liệu xây thông thường (vật liệu nung) góp phần tiết giảm nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho sản xuất, tiết giảm năng lượng khi sử dụng vật liệu trong công trình. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm tận dụng nguyên liệu tro/xi sử dụng cho sản xuất để nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, thiết kế và sản xuất các mẫu mã mới, đa tính năng, cao cấp, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu; đặc biệt tính năng tiết kiệm nước, kháng khuẩn đáp ứng yêu cầu môi trường và tiết kiệm tài nguyên trong lĩnh vực sứ vệ sinh-sen vòi; Phát triển các dòng sản phẩm mới, giá trị cao và tiết kiệm chi phí sản xuất (trong đó có năng lượng sử dụng) trong lĩnh vực gạch ốp lát.

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp KHCN, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thực hiện giải pháp khối xếp sản phẩm chuyển đổi sản xuất 100% ngói trong lĩnh vực gạch ngói, gia tăng giá trị và tiết giảm hao phí nhiên liệu (đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích).

- Triển khai chuyển đổi nhiên liệu sử dụng sang khí thiên nhiên/LPG để cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nhiên liệu.

- Đầu tư và đưa vào vận hành Nhà máy kính nổi siêu trắng sử dụng làm phôi cho công nghiệp sản xuất pin năng lượng mặt trời; Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu phát triển màng phủ trong sản xuất pin năng lượng mặt trời, nâng cao hiệu suất sử dụng của pin và giảm thiểu các tác động môi trường.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lĩnh vực vật liệu: Nguồn nước cho sản xuất và văn phòng được sử dụng do các Công ty sản xuất chuyên ngành cung cấp. Nước sản xuất tại các nhà máy chiếm tỷ trọng nhỏ về lượng và chi phí trong tổng chi phí sản xuất, đồng thời được tối đa tuần hoàn sử dụng, giảm thiểu tối đa xả thải ra ngoài, nước thải đều được qua trạm xử lý tại các nhà máy và/hoặc của KCN.

- Lĩnh vực bất động sản: Chủ yếu được cung cấp cho các đơn vị/nhà đầu tư thứ cấp trong KCN. Trong các năm gần đây, Tổng công ty Viglacera đã thực hiện đầu tư/vận hành các Nhà máy/Trạm xử lý và sản xuất nước sạch từ nguồn nước mặt (sông), hạn chế và tiến dần đến việc không khai thác nước ngầm, tiết kiệm tài nguyên và ảnh hưởng đến địa chất công trình.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Như trên đã thuyết minh, về cơ bản toàn bộ nước sử dụng cho sản xuất tại các nhà máy của Viglacera đều được xử lý tuần hoàn sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt (hoạt động của văn phòng), được xử lý và xả thải ra hệ thống thoát chung của KCN và/hoặc địa phương đảm bảo yêu cầu môi trường.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2020, Viglacera không có các vi phạm lớn, trọng yếu do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của nhà nước.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân toàn Tổng công ty đến 31/12/2020 là 8.221 người. Thu nhập bình quân năm 2020 là 12,5 triệu đồng/người.tháng, tăng 10% so với thực hiện năm 2019.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Tại Viglacera nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng và đãi ngộ; tuyển dụng, đào tạo và phát triển đang từng bước được hoàn thiện, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác như đã phân tích, thuyết minh tại Khoản 2.4 Phần II. Tình hình hoạt động trong năm 2020 của Tổng công ty Viglacera-CTCP.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Tại Viglacera, cùng với phát triển nguồn nhân lực chất lượng qua tuyển dụng, thu hút nhân lực với các chính sách ưu đãi, phúc lợi như đã nêu. Công tác đào tạo nguồn nhân lực luôn được chú trọng và triển khai kế hoạch hằng năm/kế hoạch dài hạn tại từng đơn vị thành viên đến Công ty Mẹ - Tổng công ty. Trong đó, đầu mối thực hiện là Trường Cao đẳng Viglacera với cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, đáp ứng đào tạo trong các chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Theo đó, năm 2020, Trường Cao đẳng Viglacera đã tổ chức:

- Đào tạo nâng cao trình độ cho 1.100 học viên theo hệ cao đẳng; Đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc: 2.950 lượt học viên; Đào tạo vận hành nhà chung cư 70 học viên.

- Tổ chức phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo theo tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật; Hoàn thiện và ban hành Bộ tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật cho 05 nghề sản xuất VLXD; Hiệu chỉnh và ban hành các bộ giáo trình cao đẳng theo Luật GDNN; Xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng theo Luật giáo dục nghề nghiệp phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế; Đầu tư bổ sung xưởng thực nghiệm và thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo sản xuất VLXD tại Trường Cao đẳng Viglacera.

Song song với đào tạo tập trung theo kế hoạch như đã nêu, hoạt động đào tạo quan trọng là gắn liền với thực tế sản xuất tại mỗi nhà máy/đơn vị. Do đó, việc đào tạo cũng được thực hiện liên tục tại từng nhà máy, từng đơn vị để nâng cao chất lượng đào tạo tập trung, tạo điều kiện cho mỗi người lao động (từ bậc thấp/giản đơn đến yêu cầu tay nghề cao) tích lũy kinh nghiệm. Mặt khác, tại Viglacera, mỗi người lao động đều được khuyến khích và có ý thức tự nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức

ngành nghề làm việc; theo đó, tại mỗi đơn vị thành viên và tại Công ty Mẹ đều có các chính sách tài trợ chi phí đào tạo và gắn liền với trách nhiệm gắn bó của người lao động với doanh nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững như đã nêu tại Khoản 4.3 Mục 4 Phần I nêu trên và với quy mô của Viglacera có các đơn vị thành viên/chi nhánh hoạt động trên cả ba miền. Theo đó, các hoạt động của Viglacera luôn gắn liền trách nhiệm đối với cộng đồng, tuân thủ và phù hợp với các chính sách an sinh xã hội của nhà nước, trong đó:

- Tiên phong trong việc phát triển các vật liệu “xanh”, thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng.

- Phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường. Theo đó, các khu nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp tiêu biểu với hạ tầng đồng bộ, được Chính phủ, Bộ Xây Dựng đánh giá cao và trao tặng nhiều giải thưởng như Khu nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá-Hà Nội, các khu nhà ở công nhân, nhà thu nhập thấp tại các KCN của Tổng công ty tại Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Bình ...

- Đồng thời, các hoạt động thể thiện trách nhiệm với cộng đồng, với các địa phương được gắn liền với các hoạt động từ thiện, các chương trình hỗ trợ trực tiếp với các địa phương có địa điểm hoạt động SXKD. Đồng thời, tổ chức cuộc vận động cán bộ, đoàn viên, công nhân lao động trong toàn Tổng công ty tiết kiệm ủng hộ các quỹ nhân đạo từ thiện tại địa phương, ủng hộ gia đình các CBCNV trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ các hoạt động cứu trợ, ủng hộ cho đồng bào miền Trung và quỹ người nghèo...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Trong năm 2020, Tổng Công ty Viglacera – CTCP không phát hành trái phiếu (do đó không tham gia vào hoạt động thị trường vốn xanh)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2020

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Mẹ (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH ĐHCĐ năm 2020	Thực hiện năm 2020	% KH ĐHCĐ
1. Lợi nhuận trước thuế				
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	tỷ đồng	750	841	112%
+ Công ty Mẹ	tỷ đồng	600	736	123%
2. Tổng doanh thu				
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	tỷ đồng	8.300	9.433	114%
+ Công ty Mẹ	tỷ đồng	3.600	3.918	109%
3. Thực hiện đầu tư công ty Mẹ	tỷ đồng	2.600	2.690	103%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	-	472	281	60%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	-	1.921	2.386	124%
+ Lĩnh vực vật liệu và NCPT, đào tạo	-	207	23	11%
4. Tỷ lệ chia cổ tức (vốn điều lệ là 4.483,5 tỷ đồng)	%	10,5%	11,0%	105%

Với các chỉ tiêu đạt được so với Kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2020 giao nêu trên. Đánh giá chung, Tổng công ty Viglacera-CTCP hoàn thành và hoàn thành vượt các mục tiêu chính là lợi nhuận, doanh thu và tỷ lệ cổ tức. Việc phân tích tổng quan các yếu tố ảnh hưởng, nguyên nhân đã được nêu tại Mục 1 Phần II. Đồng thời, đánh giá đối với từng lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty được thuyết minh tại phần dưới đây.

1.2. Kết quả hoạt động các lĩnh vực của Tổng công ty

1.2.1. Lĩnh vực vật liệu

Kết quả sản xuất kinh doanh của lĩnh vực vật liệu (bao gồm khối thương mại) lãi 154,2 tỷ đồng, đạt 76% KH năm; Doanh thu đạt 12.328 tỷ đồng, đạt 92% KH năm.

a. Lĩnh vực kính:

Kết quả SXKD lợi nhuận đạt 22,3 tỷ đồng, Doanh thu đạt 2.111 tỷ đồng, đạt 97% KH năm, đạt 86% so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

- Tập trung sản xuất tối đa sản lượng đối với các sản phẩm có mức độ cạnh tranh thấp (kính dày từ 8-12mm chiếm 60% sản lượng, kính 4-6mm sản xuất chủ yếu cấp phôi cho NM kính tiết kiệm năng lượng); Chuyển đổi nhiên liệu linh hoạt để có chi phí sản xuất, giá thành giảm tốt nhất, nâng cao hiệu quả và đảm bảo khả năng cạnh tranh.

- Thực hiện chính sách bán hàng, giá bán linh hoạt theo tình hình thị trường, đảm bảo cân đối tồn kho hợp lý, hiệu quả tối ưu nhất. Đẩy mạnh tiêu thụ kính tiết kiệm năng lượng, giảm áp lực cạnh tranh cho kính xây dựng. Mặt khác, phát triển dòng sản phẩm gương phủ nhôm được sản xuất trên dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng, có chất lượng cao, qua đó tận dụng khai thác công suất của Nhà máy kính tiết kiệm năng lượng.

- Dự án nhà máy kính nổi siêu trắng Phú Mỹ, công suất 600 tấn/ngày (Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ) được khánh thành đưa vào vận hành, bước đầu trong giai đoạn sản xuất thử, nghiệm thu các chỉ tiêu về tiêu hao nhiên liệu, chất lượng, tỷ lệ thu hồi đạt tốt hơn so với mục tiêu dự án.

b. Lĩnh vực sứ vệ sinh, sen vòi – thương mại

Kết quả SXKD lợi nhuận đạt 7,6 tỷ đồng, đạt 26% KH năm, đạt 18% so với TH năm 2019; Doanh thu đạt 2.268 tỷ đồng, đạt 90% KH năm, đạt 95% so với thực hiện năm 2019.

- Tập trung các nguồn lực đưa Nhà máy sứ Mỹ Xuân sản xuất ổn định, chất lượng và tỷ lệ thu hồi đã bám sát mục tiêu dự án; Tổ chức lại thị trường khu vực miền Nam để tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy. Đối với các nhà máy còn lại, thực hiện đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm tại các nhà máy sản xuất hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Kiện toàn công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao và công tác khuôn mẫu trên cơ sở đầu mối là Trung tâm R&D, phối hợp với các đơn vị thương mại phát triển các mẫu chậu/bệt đồng bộ. Đồng thời, xây dựng kế hoạch phát triển mẫu mới cho năm 2021;

- Triển khai và phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử;

- Tìm kiếm các đối tác để xuất khẩu sứ vệ sinh sang thị trường Hàn Quốc, Mỹ và Châu Âu;

- Thành lập Trung tâm bảo hành sản phẩm sứ vệ sinh hoạt động trên toàn quốc;

Tuy nhiên, hoạt động thương mại, vận hành chính sách thị trường, kênh phân phối, phát triển mẫu mới... còn nhiều tồn tại dẫn đến hoạt động SXKD chưa đạt hiệu quả theo kế hoạch, tồn kho và dư nợ có xu hướng tăng.

c. Lĩnh vực Gạch Ốp lát – kinh doanh:

Kết quả SXKD lợi nhuận đạt 64,5 tỷ đồng, đạt 91% KH năm, đạt 48% so với TH năm 2019; Doanh thu đạt 5.556 tỷ đồng, đạt 104% KH năm, đạt 95% so với TH năm 2019. Mặc dù sức ép cạnh tranh trong năm 2020 vẫn rất lớn, nhưng đã bám sát được mục tiêu kế hoạch, theo đó:

- Điều tiết sản xuất tại một số đơn vị để cân đối sản xuất/tiêu thụ và tồn kho hợp lý;

- Trong năm đã thực hiện tốt công tác phát triển sản phẩm mới, dòng sản phẩm giá trị cao, có khả năng tiêu thụ tốt như Platinum, Eurotile, Colorbody... Bên cạnh đó tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống kênh phân phối riêng để nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả;

- Thực hiện tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Cân đối lại kế hoạch sản xuất phù hợp với khả năng tiêu thụ, tập trung giảm tồn kho và dư nợ để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD.

d. Lĩnh vực gạch ngói đất sét nung:

Kết quả SXKD lợi nhuận đạt 53,3 tỷ đồng, đạt 78% KH năm, đạt 56% so với thực hiện năm 2019; Doanh thu đạt 2.080 tỷ đồng, đạt 91% KH năm, đạt 61% so với thực hiện năm 2019.

Trước những khó khăn của thị trường, Công ty CP Hạ Long vẫn duy trì hoạt động hiệu quả trên cơ sở chủ động sản xuất sản phẩm giá trị cao như ngói lợp, gạch cotto, các sản phẩm gạch ốp tấm lớn; Tập trung công tác mở rộng thị trường, xây dựng và thực hiện chính sách bán hàng, giá bán linh hoạt để tăng thị phần; Thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất và tăng năng suất lao động với các giải pháp đầu tư chiều sâu, tăng mức độ cơ giới hóa, tự động hóa.

Các đơn vị còn lại trong nhóm, với quy mô sản xuất nhỏ, bên cạnh sự trầm lắng của thị trường VLXD, bệnh dịch và lũ lụt làm cho hoạt động của các đơn vị ngày càng khó, giá bán sản phẩm giảm sâu, chi phí nhân công lớn đã ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

1.2.2. Lĩnh vực bất động sản:

Lãi trước thuế 707,7 tỷ đồng, đạt 118% KH năm, đạt 112% thực hiện năm 2019; Doanh thu đạt 3.585 tỷ đồng, đạt 71% KH. Lĩnh vực Bất động sản thuộc Công ty Mẹ vẫn tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì hiệu quả SXKD, góp phần quan trọng cho Công ty Mẹ hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHCĐ thông qua. Trong đó:

- Đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN: Nắm bắt cơ hội chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tập trung công tác kinh doanh với tổng số diện tích cho thuê hạ tầng KCN cả năm đạt khoảng 137 ha. Tập trung cho công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt là đền bù giải phóng mặt bằng (đạt 356ha), thi công hạ tầng đồng bộ để đáp ứng yêu cầu đất sạch cho công tác kinh doanh; Đồng thời, tăng cường công tác tiếp thị các nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN hiện có để thu hút và đón đầu làn sóng các nhà đầu tư thứ cấp, gia tăng hiệu quả khai thác quỹ đất hiện có.

- Tiếp tục tập trung triển khai đầu tư và kinh doanh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN với các dự án trọng điểm: DA Nhà TNT Kim Chung (484 căn), Nhà ở xã hội 9,8ha tại Yên Phong-Bắc Ninh (512 căn), Nhà ở CN KCN Đồng Văn (168 căn), Nhà ở CN KCN Phú Hà (134 căn hộ); Nhà ở thấp tầng tại Đặng Xá, Xuân Phương, Yên Phong, Đồng Văn.

- Tập trung nâng cao chất lượng, tối ưu hiệu quả hoạt động của công tác quản lý vận hành tại các KCN, khu đô thị và nhà ở.

Với 12 KCN đã và đang phát triển, 01 Đặc khu kinh tế ViMariel - Cuba, với tổng diện tích gần 3.500 ha, thu hút đầu tư gần 14 tỷ USD tại các KCN trong nước và Đặc khu kinh tế ViMariel.

1.2.3. Hoạt động đầu tư tại nước ngoài (tại Cuba)

Tiếp tục triển khai các bước hợp tác đầu tư theo tiến độ ký kết trong lĩnh vực vật liệu và đầu tư hạ tầng khu công nghiệp:

- Công ty SanVig-CTCP: Công tác vận hành sản xuất 2 nhà máy gặp nhiều khó khăn do không ổn định về nhiên liệu, nguyên vật liệu, bên cạnh đó Cuba cũng chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên năm 2020, 2 nhà máy sửa vệ sinh và gạch ốp lát hoạt động tương đối ổn định, tiêu thụ hết sản lượng sản xuất và có lợi nhuận.

- Công ty ViMariel-CTCP: Thực hiện đầu tư hạ tầng KCN Vi-Mariel trong Đặc khu kinh tế Mariel; Diện tích đất đủ điều kiện kinh doanh đến năm 2020 là 58ha và dự kiến đến Quý II/2021 là 64ha. Cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên công tác kinh doanh chưa thực hiện được theo kế hoạch. Hiện tại, mới ký hợp đồng cho thuê đất với 03 nhà đầu tư thứ cấp đến từ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đạt giá trị ~ 1 triệu USD.

1.2.4. Hoạt động quản lý điều hành của Công ty Mẹ - Tổng công ty Viglacera - CTCP

Tập trung chỉ đạo điều hành và trực tiếp cùng với các đơn vị triển khai quyết liệt, linh hoạt các mục tiêu, giải pháp cho từng nhóm sản phẩm, từng đơn vị, cụ thể như sau:

a. Công tác tái cơ cấu

Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng vốn, thoái vốn theo nội dung chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại các văn bản số 669/BXD-QLDN ngày 29/3/2017, số 777/BXD-QLDN ngày 12/4/2016 của Bộ Xây dựng; Nghị quyết số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và văn bản số 2055/BXD-QLDN ngày 29/4/2020 của Bộ Xây Dựng. Theo đó:

- Hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty Viglacera - CTCP tại Công ty cổ phần Vinafacade (01/2020) và Công ty cổ phần Bá Hiến (6/2020); Hoàn thành tăng vốn điều lệ tại Công ty Vân Hải;

- Hoàn thành việc quyết toán và bàn giao vốn nhà nước sang Công ty cổ phần (tháng 6/2020).

- Triển khai lộ trình tái cơ cấu Công ty CP Chao Viglacera và chuẩn bị các điều kiện thành lập Công ty TNHH tại Mỹ thuộc Công ty CP Kinh doanh gạch ốp lát;

- Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt kế hoạch, Tổng công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị.

b. Công tác quản trị sản xuất, quản lý chất lượng

- Chủ động rà soát trong quá trình triển khai kế hoạch để có các giải pháp chỉ đạo điều hành kịp thời, linh hoạt và điều chỉnh phù hợp với những diễn biến của thị trường, ảnh hưởng bất lợi của dịch bệnh và thiên tai bão lụt; đảm bảo bám sát mục tiêu kế hoạch đã cam kết với ĐHCĐ.

- Tập trung nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, phát triển sản phẩm mới, nâng cao khả năng cạnh tranh trong từng nhóm/lĩnh vực sản phẩm thông qua các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa trên cơ sở đầu tư chiều sâu theo mục tiêu, kế hoạch năm đã đề ra.

- Tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển thị trường, định vị thương hiệu Viglacera tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh công tác thiết kế mẫu mới, kiểm soát chất lượng để nâng cao năng lực cạnh tranh.

c. Công tác nghiên cứu phát triển:

Với đầu mối thực hiện là Viện Nghiên cứu Phát triển Viglacera; Theo đó:

- Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm, nguyên liệu đầu vào của tất cả các lĩnh vực sản phẩm, có so sánh với TCVN, TCCS và các đối thủ;

- Thực hiện báo cáo định kỳ kết quả kiểm tra, đánh giá về sản phẩm và nguyên liệu.

- Thực hiện vai trò là đầu mối quản lý khoa học công nghệ của Tổng công ty; Theo đó, chủ trì/Phối hợp với các đơn vị thành viên:

+ Triển khai các nhiệm vụ tư vấn lập Dự án đầu tư, tư vấn công nghệ các Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng của TCT;

+ Các Đề tài/dự án nghiên cứu KHCN, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật theo kế hoạch đặt ra. Đồng thời, tham gia thực hiện hoạt động kiểm soát, đánh giá

d. Công tác đào tạo:

Với đầu mối thực hiện là Trường Cao đẳng nghề Viglacera; Theo đó:

- Đào tạo nâng cao trình độ cho gần 500 học viên theo hệ cao đẳng; Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế cho 45 khóa với 1.080 lượt học viên; Đào tạo ngắn hạn là 2.968 lượt học viên với 25 chuyên đề, tương ứng với tổng số 150 lớp.

- Tổ chức phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo theo tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật; Hoàn thiện và ban hành Bộ tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật cho 05 nghề sản xuất VLXD; Hiệu chỉnh và ban hành các bộ giáo trình; Xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế; Đầu tư bổ sung xưởng thực nghiệm và thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo sản xuất VLXD tại Trường Cao đẳng nghề Viglacera.

Đánh giá về công tác quản lý điều hành của Công ty Mẹ:

Bên cạnh những việc đã làm được trên cơ sở đã chủ động lập kế hoạch, quyết liệt chỉ đạo/Thực hiện các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động điều hành, bám sát và đạt được các mục tiêu chính đặt ra. Tuy nhiên, vẫn còn những mặt tồn tại được đánh giá như sau:

- Việc đôn đốc, giám sát triển khai thực hiện KH SXKD, kế hoạch đầu tư của khối VLXD chưa đạt kế hoạch, theo đó cần chủ động trong công tác kiểm soát thực hiện kế hoạch tại các đơn vị.

- Cần nâng cao chất lượng và tiến độ thẩm tra trong việc triển khai các dự án đầu tư; Công tác tổng hợp, theo dõi, đánh giá hiệu quả của các dự án sau đầu tư trong cả hai lĩnh vực Bất động sản và Vật liệu xây dựng.

- Cần nâng cao chất lượng công tác kiểm soát, cảnh báo rủi ro trong quản trị tài chính, đặc biệt tại các đơn vị có hiệu quả SXKD thấp, lỗ phát sinh và thuộc diện kiểm soát đặc biệt.

2. Tình hình tài chính:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, ban lãnh đạo Tổng công ty đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện lành mạnh hóa tài chính tại Công ty mẹ và các đơn vị trên cơ sở xây dựng lộ trình và kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, dư nợ phải thu thông qua thực hiện kiểm kê hàng quý, đối chiếu công nợ thường xuyên và định kỳ để phòng ngừa thất thoát có thể xảy ra.

a. Tình hình tài sản

Trong năm tài chính 2020, tổng tài sản của Công ty mẹ là 16.974 tỷ đồng, tăng 1.447 tỷ đồng so với năm 2019. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA Công ty mẹ là 3,57%.

Nợ phải thu ngắn hạn của Công ty mẹ năm 2020 ổn định ở mức 14,5% tổng tài sản ngắn hạn: toàn bộ các khoản công nợ phải thu của Tổng công ty đều mở sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu từng

khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ phải thu, tổ chức kiểm kê đối chiếu vào giữa năm và cuối năm tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị các khoản phải thu.

b. Tình hình nợ phải trả

Đến ngày 31/12/2020, tổng dư nợ vay của toàn Tổng công ty là 1.898 tỷ đồng, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ là 262 tỷ đồng. Toàn bộ các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng chi tiết gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn, phải trả nhà cung cấp, phải trả nội bộ, người mua ứng tiền trước và phải trả khác; lãi phải trả được Tổng công ty mở sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ. Những khoản nợ phải trả thường xuyên được đối chiếu, xác nhận và không có thắc mắc nào phát sinh từ phía các khách nợ phải trả đối với Tổng công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tổng công ty đã phân cấp quản lý về SXKD theo các lĩnh vực, hình thành các Ban chuyên quản- trong đó có các Công ty sản xuất và Công ty kinh doanh thương mại nhằm phát huy hiệu quả của từng lĩnh vực.

Triển khai thuê chuyên gia, quản lý người nước ngoài vào các lĩnh vực khách sạn, thương mại và sản xuất để mở rộng thị trường và đào tạo cho CBCNV. Đồng thời, điều chỉnh tách 2 và thành lập Ban chuyên môn là Ban Gạch ốp lát và Ban sứ vệ sinh trên cơ sở kiện toàn Ban Gạch ốp lát- sứ vệ sinh để đáp ứng nhu cầu quản lý do quy mô về doanh thu, lợi nhuận, lao động... của các đơn vị trong Ban lớn và nhiều đầu mối.

Có chương trình, kế hoạch đào tạo rõ ràng: Hàng năm khi xây dựng kế hoạch SXKD đã đưa kế hoạch đào tạo và phát triển khoa học công nghệ để phê duyệt cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kết quả hoàn thành kế hoạch SXKD hàng năm- trong đó có kế hoạch đào tạo, phát triển KHCN là cơ sở để đánh giá Người đại diện phần vốn và Giám đốc các đơn vị và khen thưởng các đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu.

Năm 2021 và các năm tiếp theo Tổng công ty sẽ tiếp tục rà soát quy hoạch nguồn, đánh giá, luân chuyển cán bộ, cử cán bộ trong quy hoạch tham gia vào hoạt động SXKD của các đơn vị khó khăn để rèn luyện và đào tạo kế cận lãnh đạo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát các Mục tiêu và Chiến lược phát triển của Tổng công ty được nêu tại Mục 4 Phần I. Theo đó, năm 2021 có ý nghĩa rất quan trọng, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII thành công rực rỡ sẽ kiến tạo nên Chính phủ với bộ máy lãnh đạo mới giai đoạn 2021-2026, phù hợp với điều kiện thực tế mới của đất nước; Đây cũng là năm đầu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi như nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi, môi trường kinh doanh thông thoáng tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên những diễn biến phức tạp về tình hình kinh tế, chính trị và dịch bệnh bùng phát, chưa kiểm soát được trên Thế giới chắc chắn sẽ có những tác động nghiêm trọng, bất lợi đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Tổng công ty. Đây chính là những động lực và thách thức mà Tổng công ty sẽ phải chủ động vượt qua.

4.1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch 2021

4.1.1. Mục tiêu

a. Lĩnh vực vật liệu:

1) Nâng cao thương hiệu Viglacera:

- Sản phẩm kính xây dựng và sản phẩm ngói lợp các loại, gạch cotto của Công ty Cổ phần Hạ Long Viglacera luôn giữ vững vị trí số 1 thị trường Việt Nam;

- Sản phẩm Sứ vệ sinh, Gạch ốp lát: Đạt chất lượng TOP đầu thị trường Việt Nam trên cơ sở đầu tư mở rộng, đầu tư nâng công suất, đầu tư chiều sâu về công nghệ-kỹ thuật để mở rộng thị phần trong nước và xuất khẩu; trong đó:

+ Sứ vệ sinh-sen vòi: Phát triển các sản phẩm mẫu mới, giá trị cao, nhiều tính năng tiện ích đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu;

+ Gạch ốp lát: Phát triển các sản phẩm gạch kích thước lớn, công nghệ mới đáp ứng cho phân khúc thị trường vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất cao cấp; Gia tăng và chiếm lĩnh thị phần tiêu thụ nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy gạch Viglacera Eurotile, công suất 9,0 triệu m²/năm tại khu vực phía Nam, phát triển dòng sản phẩm kích thước lớn, cao cấp đáp ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

- Tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm panel và gạch bê tông khí chưng áp với ứng dụng kết quả của Dự án KHCN cấp nhà nước, nghiên cứu triển khai việc tận dụng nguyên liệu tro/xi, tiết kiệm tài nguyên và tiết giảm chi phí.

2) Nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm kính cao cấp, kính siêu trắng làm phôi để sản xuất pin năng lượng mặt trời, các sản phẩm kính gia công sau kính chất lượng cao. Tiếp tục phát triển, tăng sản lượng và đa dạng các dòng sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng, gương cao cấp phù hợp với xu hướng thị trường.

3) Triển khai khảo sát, đầu tư mở rộng và đầu tư mới các mỏ nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (feldspar, cát).

b. Lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản:

Tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng quy mô trong các lĩnh vực:

- Hạ tầng kỹ thuật KCN và dịch vụ; Các dịch vụ hạ tầng trong Khu công nghiệp như: Xử lý nước thải, xử lý rác thải, cấp nước sạch, dịch vụ cung cấp điện, cho thuê kho bãi ... đáp ứng tiêu chuẩn và khả năng cạnh tranh với các nhà đầu tư khu công nghiệp trong nước, nước ngoài; đón đầu và nắm bắt cơ hội xu thế chuyển dịch đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Nhà ở xã hội, Nhà ở công nhân; Nhà ở thương mại, bất động sản nghỉ dưỡng.

4.1.2. Các chỉ tiêu chính của Kế hoạch 2021

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%KH 2021/ TH 2020
1. Lợi nhuận trước thuế			
+ Tổng công ty - CTCP (theo BCTC hợp nhất)	841	1.000	119%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	736	750	102%
2. Tổng doanh thu			
+ Tổng công ty -CTCP (theo BCTC hợp nhất)	9.433	12.000	127%
+ Công ty Mẹ (theo BCTC riêng)	3.918	5.000	127%
3. Thực hiện đầu tư công ty mẹ	2.690	2.800	104%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	281	375	133%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	2.386	2.400	101%
+ Lĩnh vực vật liệu và NCPT, đào tạo	23	25	108%
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	4.483,5	4.483,5	100%
5. Chia cổ tức bằng tiền (% vốn điều lệ 4.483,5 tỷ đồng)	11,0%	12,0%	109%

4.2. Các giải pháp trọng tâm

a. Công tác quản trị và tái cơ cấu

- Thực hiện lộ trình tái cơ cấu vốn tại các đơn vị bám sát theo kế hoạch Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Trong đó:

+ Tiếp tục thực hiện tăng/thoái vốn vốn điều lệ, đồng thời cơ cấu lại sở hữu vốn của Tổng công ty tại các công ty con đã được chấp thuận chủ trương tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, trong đó triển khai thoái vốn tại một số đơn vị sản xuất VLXD không hiệu quả (lĩnh vực gạch ngói đất sét nung).

+ Tăng vốn điều lệ tại các đơn vị thành viên (Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn; Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera; Công ty CP phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ - Hưng Yên; Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải) để thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm; Nâng tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH kính nổi siêu trắng Phú Mỹ.

- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, các định mức kinh tế kỹ thuật, các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển.

b. Công tác phát triển thị trường

Thị trường trong nước:

- Tiếp tục phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử song song với củng cố Hệ thống bán hàng trực tiếp. Đồng thời, phát triển kênh bán hàng trực tiếp, kênh dự án và kênh thông qua đội ngũ tư vấn, kiến trúc sư.

- Tập trung đầu tư mở rộng thị trường phía Nam tương ứng với quy mô đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị tại thị trường này.

- Phát triển các chương trình thương mại năm 2021: Truyền thông (tập trung quảng bá hình ảnh thương hiệu, chiến lược marketing); Phát triển các mẫu mã sản phẩm mới có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường; Sắp xếp lại các bộ sản phẩm theo từng phân khúc từ trung tới cao cấp.

Thị trường xuất khẩu:

- Xây dựng, triển khai chiến lược xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung đối với các sản phẩm lĩnh vực kính, sứ vệ sinh-sen vòi, gạch ốp lát với các sản phẩm mới, công nghệ cao.

- Tập trung phát triển thị trường và đẩy mạnh công tác xuất khẩu: Tìm kiếm các đối tác xuất khẩu mới, tập trung mở thị trường xuất khẩu trong các nước tham gia hiệp định thương mại song phương và đa phương như EVFTA, CP TPP... Mặt khác, thành lập công ty TNHH tại Mỹ để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Bắc Trung Mỹ và Caribe, mở rộng thị phần, gia tăng sản lượng, doanh số xuất khẩu các sản phẩm chủ yếu là sứ vệ sinh, gạch ốp lát và kính xây dựng.

c. Công tác nghiên cứu phát triển, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học theo kế hoạch; Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới; triển khai các chuyên đề tư vấn các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu, triển khai các giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục triển khai, đồng thời rà soát, cập nhật trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty trong giai đoạn 2021-2025, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho các dự án/nhà máy đã và đang thực hiện đầu tư.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác đầu tư mở rộng và đầu tư mới của Tổng công ty.

d. Công tác tài chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, thu hồi công nợ và làm việc với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư cho các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực KCN, nhà ở và phát triển sản phẩm mới theo mục tiêu, kế hoạch đặt ra.

- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty, tiếp tục thực hiện việc quản lý, kiểm soát, tiết giảm chi phí các khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phòng ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính tại các đơn vị.

4.3. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021

a. Lĩnh vực vật liệu

- Triển khai các dự án chuyển tiếp và kế hoạch đầu tư chiều sâu, bổ sung hằng năm. Trong đó, tập trung đầu tư về giải pháp công nghệ, kỹ thuật, dây chuyền thiết bị nâng cao mức độ tự động hóa, tỷ lệ thu hồi, giảm chi phí trong lĩnh vực sứ vệ sinh-gạch ốp lát; Phát triển các dòng sản phẩm panel và gạch bê tông khí chưng áp và tận dụng nguyên liệu tro/xi, tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí; Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị nâng công suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm sen vòi.

- Triển khai chuẩn bị đầu tư và đầu tư các dự án mới:

+ Nhà máy gạch Viglacera Eurotile công suất 9,0 triệu m²/năm tại Bà Rịa – Vũng Tàu, phát triển dòng sản phẩm kích thước lớn, cao cấp đáp ứng cho thị trường trong nước, xuất khẩu.

+ Nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm kính cao cấp, kính siêu trắng làm phôi để sản xuất pin năng lượng mặt trời, các sản phẩm kính gia công sau kính chất lượng cao. Tiếp tục phát triển, tăng sản lượng và đa dạng các dòng sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng, gương cao cấp phù hợp với xu hướng thị trường.

+ Khảo sát, đầu tư mở rộng và đầu tư mới các mỏ nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (feldspar, cát).

+ Nghiên cứu triển khai đầu tư sản xuất nấp bột sứ vệ sinh đáp ứng nhu cầu cho sản phẩm sứ vệ sinh của Tổng công ty.

+ Nghiên cứu, khảo sát tìm kiếm địa điểm mới để đầu tư phát triển sản phẩm đất sét nung theo công nghệ mới của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long.

- Đầu tư mở rộng các hệ thống kênh phân phối trong hoạt động thương mại.

b. Lĩnh vực bất động sản

Khu công nghiệp:

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật/dịch vụ tại các KCN đang triển khai như: Hải Yên (182,4 ha), Đông Mai (160 ha)- Quảng Ninh; Phú Hà GD1 (356 ha) - Phú Thọ; Tiên Hải (294 ha) - Thái bình; Đồng Văn IV GD1, GD2 (300 ha) - Hà Nam; Yên Phong IIC (221 ha) và Yên phong mở rộng (314 ha) - Bắc Ninh; Phong Điền (284 ha) – Huế; Yên Mỹ (280 ha) - Hưng Yên.

- Chuẩn bị đầu tư và đầu tư Khu công nghiệp Thuận Thành I (~249,75 ha) tại Bắc Ninh;

- Tiếp tục khảo sát và triển khai các bước công việc chuẩn bị đầu tư các KCN mới như: Đông Mai mở rộng (~145 ha), Hải Yên mở rộng (130 ha), KCN Đông Triều 2 - Quảng Ninh; Tiên Hải mở rộng (329 ha); Mở rộng KCN Phú Hà (100ha); Tổ hợp KCN - Nhà ở - Dịch vụ tại Yên Bái (496 ha);

- Nghiên cứu phát triển các KCN: Đốc đá trắng ~ 288 ha (tại Khu kinh tế Vân Phong - Khánh hòa, dự kiến do Công ty CP KCN Yên Mỹ đầu tư); các KCN tại Huế khoảng 160 ha (KCN La Sơn, Phong Điền mở rộng);

- Khảo sát nghiên cứu một số địa điểm để phát triển các KCN mới tại các địa phương có vị trí có lợi thế về hạ tầng, thu hút đầu tư và khả năng kinh doanh; Sẽ thành lập các pháp nhân mới để triển khai các dự án đầu tư Khu công nghiệp mới tại các địa phương.

- Thực hiện đầu tư các dự án thành phần tại các KCN để gia tăng tiện ích, nâng đẳng cấp và thương hiệu các KCN của Tổng công ty và khai thác tối đa hiệu quả quỹ đất: Nhà xưởng, kho bãi cho thuê; Các nhà máy cấp nước sạch, xử lý nước thải đồng bộ, các dịch vụ hạ tầng khác....

Khu đô thị và nhà ở:

- Nhà ở xã hội, nhà ở công nhân:

+ Tiếp tục phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đồng bộ với phát triển KCN hiện có và đầu tư mới của Tổng công ty với các dự án trọng điểm: Nhà ở xã hội tại Kim Chung, Nhà ở công nhân tại các KCN Đồng Văn IV, Phú Hà; Khu nhà ở xã hội 9,8ha Yên Phong - Bắc Ninh;

+ Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các dự án nhà ở công nhân tại KCN Đông Mai, KCN Tiên Hải; Khu nhà ở xã hội tại Tiên Dương – Đông Anh;

+ Tham gia đấu thầu làm chủ đầu tư các dự án nhà ở công nhân tại phía Nam (Bình Dương, Vũng Tàu). Tiếp tục khảo sát, tìm kiếm phát triển các quỹ đất mới để đầu tư các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các địa phương có điều kiện phù hợp;

+ Phối hợp với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam xây dựng và triển khai các dự án khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại Bắc Ninh, Bắc Giang và một số địa phương khác.

- Nhà ở thương mại và khu du lịch nghỉ dưỡng:

+ Dự án Tổ hợp Văn phòng thương mại, khách sạn, nhà ở Thăng Long No1 GD3 (Hà Nội);

+ Tiếp tục triển khai các dự án nhà ở thành phần tại các khu đô thị hiện có, chuyển tiếp từ năm 2020 (Nhà ở thương mại 9,6ha tại Yên Phong, tại Khu đô thị Xuân Phương, Đặng Xá 2 – Hà Nội);

+ Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư, tham gia đấu giá, lựa chọn chủ đầu tư: Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất hiện có (diện tích 12,5ha) và đầu tư khu nhà ở tại Nhà máy Kính Đáp Cầu (TP Bắc Ninh); Dự án Khu đô thị và nhà ở tại thành phố Bắc Ninh (25,9 ha);

+ Dự án khu du lịch sinh thái cao cấp Vân Hải GD1 với diện tích 35ha (Công ty CP Viglacera Vân Hải); Xây dựng phương án triển khai phù hợp và GD2 với diện tích khoảng 40ha;

+ Tiếp tục khảo sát, tìm kiếm phát triển quỹ đất mới để đầu tư các dự án khu đô thị, khu nhà ở.

Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị/tài sản: Nâng cao năng lực thi công và hoạt động SXKD của Công ty Xây dựng Viglacera (thi công xây dựng các dự án khu nhà ở và đô thị); Công ty thi công cơ giới Viglacera (thi công các dự án hạ tầng KCN).

c. Đầu tư tại nước ngoài: Triển khai các dự án đầu tư tại Cuba đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 107/TCT-NQĐHCD ngày 19/6/2020.

d. Lĩnh vực nghiên cứu phát triển, đào tạo

- Đầu tư cho các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm VLXD của Tổng công ty; Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới; Triển khai các chuyên đề tư vấn các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng;

- Nghiên cứu đầu tư hệ thống băng đỡ rót áp lực cao, triển khai khảo sát, đánh giá xem xét phương án đầu tư phù hợp; Đầu tư Trung tâm thiết kế mẫu gạch ốp lát, mẫu sứ vệ sinh tại Viện NCPT Viglacera.

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng lớp phủ, đa dạng hóa sản phẩm kính low-e và phát triển các sản phẩm mới tại Nhà máy kính tiết kiệm năng lượng;

- Nghiên cứu đầu tư hệ thống quản trị (hệ thống ERP, số hóa dữ liệu...); Trước mắt triển khai thí điểm trong năm 2021 tại một số đơn vị trong các nhóm sản phẩm chính (kính, sứ - sen vôi, kính doanh – thương mại), đánh giá và nhân rộng trong các nhóm/lĩnh vực sản phẩm của Tổng công ty. Triển khai hệ thống quản trị báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động SXKD tại Công ty Mẹ.

- Tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Viện nghiên cứu phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera, hệ thống phòng thí nghiệm trong các nhóm/lĩnh vực sản phẩm.

5. Giải trình BGD với ý kiến kiểm toán nếu có: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Các nội dung này được thuyết minh tại Mục 6 Phần II. Tình hình thực hiện năm 2020

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CTCP

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các lĩnh vực hoạt động SXKD của Tổng công ty cũng gặp nhiều khó khăn thách thức. Song, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 107/TCT-NQĐHĐCĐ ngày 19/6/2020, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, xác định cụ thể các giải pháp điều hành trong 2 lĩnh vực hoạt động cốt lõi là lĩnh vực vật liệu xây dựng và lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản. Trong đó:

Lĩnh vực vật liệu:

Tập trung triển khai đầu tư và các giải pháp đối với công tác phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực gạch ốp lát-sứ vệ sinh; phát triển sản phẩm mới, dòng sản phẩm giá trị cao, khả năng tiêu thụ tốt như Platinium, Eurotile, Colorbody..., đầu tư chiều sâu để tiết giảm chi phí, kiểm soát chất lượng sản phẩm; đồng thời, tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển thị trường, định vị thương hiệu Viglacera tại thị trường trong nước và xuất khẩu để nâng cao năng lực cạnh tranh, duy trì hiệu quả.

Mặt khác, chỉ đạo người đại diện cùng đơn vị tập trung hoàn thành, đưa Dự án đầu tư Nhà máy kính nổi siêu trắng Phú Mỹ, công suất 600 tấn/ngày vào hoạt động tháng 12/2020; bước đầu trong giai đoạn sản xuất thử, nghiệm thu các chỉ tiêu về tiêu hao nhiên liệu, chất lượng, tỷ lệ thu hồi đạt tốt hơn so với mục tiêu dự án.

Lĩnh vực bất động sản

Lĩnh vực Bất động sản thuộc Công ty Mẹ vẫn tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì hiệu quả SXKD, góp phần quan trọng cho Công ty Mẹ hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong đó:

- Khu công nghiệp: Nắm bắt cơ hội chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tập trung công tác kinh doanh, tổng số diện tích cho thuê hạ tầng KCN năm 2020 đạt khoảng 137 ha. Tập trung cho công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt là đền bù giải phóng mặt bằng (tổng diện tích đền bù đạt 356ha), thi công hạ tầng đồng bộ để đáp ứng yêu cầu đất sạch cho công tác kinh doanh; Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng, cấp điện, nước, xử lý nước thải..., gia tăng hiệu quả khai thác quỹ đất hiện có.

- Nhà ở: Tiếp tục tập trung triển khai đầu tư và kinh doanh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trọng điểm như Nhà TNT Kim Chung (484 căn), Nhà ở xã hội 9,8ha tại Yên Phong-Bắc Ninh (512 căn), Nhà ở CN KCN Đồng văn (168 căn); Nhà ở CN KCN Phú Hà (134 căn hộ)...

- Tập trung nâng cao chất lượng, tối ưu hiệu quả hoạt động của công tác quản lý vận hành tại các KCN, khu đô thị và nhà ở.

Công tác tái cơ cấu và quản trị

Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng vốn, thoái vốn theo nội dung chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại các văn bản số 669/BXD-QLDN ngày 29/3/2017, số 777/BXD-QLDN ngày 12/4/2016; Nghị quyết số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Theo đó, hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty Viglacera - CTCP tại Công ty cổ phần Vinafacade (01/2020), Công ty cổ phần Bá Hiến (6/2020); Đồng thời, triển khai các bước tăng vốn cho các đơn vị thành viên theo kế hoạch. Bên cạnh đó, hoàn thành việc quyết toán và bàn giao vốn nhà nước sang Công ty cổ phần (tháng 6/2020).

Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt kế hoạch, Tổng công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị. Song song, tiếp tục rà soát các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành, lập kế hoạch và triển khai điều chỉnh hoàn thiện để phù hợp với cơ cấu vốn, thực tế hoạt động và nâng cao công tác kiểm soát của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Như vậy, Kết quả thực hiện năm 2020, Tổng công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thể hiện qua các chỉ tiêu hiệu quả và các công tác trọng tâm như sau:

1.1. Lợi nhuận trước thuế

- Công ty Mẹ đạt 736 tỷ đồng, đạt 123% KH được ĐHCĐ giao. Theo đó tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 có khả năng thực hiện là 11%, tăng 0,5% so với ĐHCĐ giao.

- Tổng công ty - CTCP (hợp nhất) đạt 841 tỷ đồng, đạt 112% KH được ĐHCĐ giao.

1.2. Doanh thu

- Công ty Mẹ thực hiện đạt 3.918 tỷ đồng, đạt 109% KH ĐHCĐ giao;

- Tổng công ty- CTCP (hợp nhất) đạt 9.433 tỷ đồng, đạt 114% KH ĐHCĐ giao.

Năm 2020, toàn Tổng công ty có 20/35 đơn vị hoạt động SXKD hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tại các đơn vị như Công ty Sứ Mỹ Xuân, Công ty CP Đáp Cầu, Công ty CP Bê tông khí và một số đơn vị sản xuất gạch ngói đất sét nung có kết quả lỗ trong năm 2020 và lỗ lũy kế cao. Các đơn vị này cần tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại trong năm 2021.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty mẹ

Việc quản lý, sử dụng vốn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đảm bảo việc đầu tư, sử dụng vốn đúng nguồn, đúng quyền hạn và đảm bảo hiệu quả tối ưu; tăng trưởng về lợi nhuận, thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả sinh lời năm 2020 như sau:

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Công ty mẹ là 19%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE của Công ty mẹ là 9,82%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA Công ty mẹ là 3,57%.

- Hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại 31/12/2020 (đã loại trừ doanh thu chưa thực hiện) đạt 1,3 lần; hợp nhất toàn Tổng công ty là 1,6 lần.

- Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2020 là 2.106 tỷ đồng. Nguồn thu cổ tức từ các công ty con và công ty liên kết vẫn đảm bảo ổn định; trong năm 2020, lợi nhuận thu được từ cổ tức đạt 83,79 tỷ đồng và tỷ suất cổ tức thu được/ vốn đầu tư đạt 3,98%.

- Vốn điều lệ của Tổng công ty đến ngày 31/12/2020 là 4.483,5 tỷ đồng. Trong đó, Cổ đông nhà nước do Bộ XD làm chủ sở hữu là 1.729,85 tỷ đồng, chiếm 38,58% vốn điều lệ; các Cổ đông khác là 2.753,65 tỷ đồng, chiếm 61,42 % vốn điều lệ (trong đó Cổ đông lớn là Tổng công ty GELEX sở hữu 46,06%).

1.4. Tình hình và khả năng thanh toán nợ

- Tình hình quản lý nợ phải thu: Toàn bộ các khoản công nợ phải thu của Tổng công ty đều mở sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, tổ chức kiểm kê đối chiếu vào giữa năm và cuối năm tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị các khoản phải thu.

- Toàn bộ các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng chi tiết gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn, phải trả nhà cung cấp, phải trả nội bộ, người mua ứng tiền trước và phải trả khác; lãi phải trả được Tổng công ty mở sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ. Những khoản nợ phải trả thường xuyên được đối chiếu, xác nhận và không có thắc mắc nào phát sinh từ phía các khách nợ phải trả đối với Tổng công ty. Đến ngày 31/12/2020, tổng dư nợ vay của toàn Tổng công ty là 1.894 tỷ đồng, tổng dư nợ vay của Công ty Mẹ là 244,9 tỷ đồng.

1.5. Đối với đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Hội đồng quản trị đồng thuận với nội dung báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc được nêu tại Mục 6 Phần II của Báo cáo này.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

2.1. Điều hành sản xuất kinh doanh

Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác điều hành mọi mặt về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra; đặc biệt là chỉ tiêu hiệu quả. Đã phân công cụ thể cho từng cá nhân phụ trách từng lĩnh vực, đề cao tính tự chủ và phát huy thế mạnh của từng Phó tổng giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công. Ban Tổng giám đốc đã chấp hành tốt các chế độ chính sách của pháp luật.

2.2. Phối hợp hoạt động

- Giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Tổng công ty, hàng tuần, tháng cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

- Tổng giám đốc đã chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các thuận lợi khó khăn, những vướng mắc và tồn tại trong việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác để cùng Hội đồng quản trị bàn và đưa ra các giải pháp cần thiết.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Hệ thống kiểm tra giám sát đã được xây dựng từ Công ty mẹ cho tới các đơn vị thành viên của Tổng công ty. Hệ thống kiểm soát bao gồm Ban kiểm soát Tổng công ty, Phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty, Ban kiểm soát các đơn vị có vốn góp Tổng công ty; Cập nhật thông tin để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, phân tích hàng tháng, quý, đánh giá các rủi ro để góp ý cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành.

- Giám sát Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp hàng quý hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác, trao đổi thẳng thắn với Ban Tổng giám đốc, những việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty. Ban kiểm soát tham gia họp giao ban, cùng trao đổi mọi vấn đề của Tổng công ty, các ý kiến của Ban kiểm soát được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở để đưa ra quyết định, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc yêu cầu Người đại diện quản lý vốn góp Tổng công ty, Người tham gia Ban kiểm soát tại các công ty phải báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại ở các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty để đưa ra công tác chỉ đạo kịp thời.

3. Các định hướng và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Đồng thuận với những đánh giá nhận định về các khó khăn, ảnh hưởng cũng như các cơ hội, điều kiện thuận lợi trong năm 2021 của Ban Tổng giám đốc điều hành, khả năng thị trường, năng lực sản xuất của từng đơn vị; Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển trung hạn đặt ra, tiếp tục xây dựng và phát huy thương hiệu Viglacera trên cả 2 lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản; Tập trung thêm nguồn lực tài chính, phát huy nguồn nhân lực sẵn có của Viglacera, các tài sản máy móc thiết bị, các quỹ đất hiện có ... để phát triển Tổng công ty Viglacera ngày càng ổn định, phát triển bền vững;

Trong quý IV/2020, Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc xem xét đánh giá đã thống nhất các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2021 để thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty, đồng thời giao Kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, Người đại diện phân vốn Tổng công ty làm cơ sở tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các đơn vị; với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch năm 2021 chủ yếu như sau:

3.1. Mục tiêu của các chỉ tiêu SXKD chính năm 2021

- Lợi nhuận trước thuế: Công ty Mẹ đạt 750 tỷ đồng; Tổng công ty Viglacera - CTCP (hợp nhất) đạt 1.000 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với TH năm 2020;

- Doanh thu: Công ty Mẹ đạt 5.000 tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2020; Tổng công ty - CTCP (hợp nhất) đạt 12.000 tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2020;

- Thực hiện vốn đầu tư XDCB của Công ty mẹ đạt 2.800 tỷ đồng;

- Dự kiến chia cổ tức năm 2021 của Công ty Mẹ là 12%/năm.

Theo đó mục tiêu kế hoạch trong 2 lĩnh vực cốt lõi đặt ra như sau:

3.1.1. Lĩnh vực vật liệu:

1) Nâng cao thương hiệu Viglacera, trong đó:

- Sản phẩm kính xây dựng và sản phẩm ngói lợp các loại, gạch cotto của Công ty Cổ phần Hạ Long Viglacera luôn giữ vững vị trí số 1 thị trường Việt Nam;

- Sản phẩm Sứ vệ sinh, Gạch ốp lát: Đạt chất lượng TOP đầu thị trường Việt Nam trên cơ sở phát triển các sản phẩm mẫu mới, giá trị cao, nhiều tính năng tiện ích đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu (sứ, sen vòi) và Phát triển các sản phẩm gạch kích thước lớn, công nghệ mới đáp ứng cho phân khúc thị trường vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất cao cấp, gia tăng và chiếm lĩnh thị phần nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu (gạch ốp lát).

2) Nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm kính cao cấp, kính siêu trắng làm phôi để sản xuất pin năng lượng mặt trời, các sản phẩm kính gia công sau kính chất lượng cao. Tiếp tục phát triển, tăng sản lượng và đa dạng các dòng sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng, gương cao cấp phù hợp với xu hướng thị trường.

3) Triển khai khảo sát, đầu tư mở rộng và đầu tư mới các mỏ nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (feldspar, cát).

3.1.2. Lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản:

Tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng quy mô trong các lĩnh vực:

- Khu công nghiệp và dịch vụ; Các dịch vụ hạ tầng trong Khu công nghiệp như: Xử lý nước thải, xử lý rác thải, cấp nước sạch, dịch vụ cung cấp điện, cho thuê kho bãi ... đáp ứng tiêu chuẩn và khả năng cạnh tranh với các nhà đầu tư khu công nghiệp trong nước, nước ngoài; đón đầu và nắm bắt cơ hội xu thế chuyển dịch đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Nhà ở xã hội, Nhà ở công nhân; Nhà ở thương mại, bất động sản nghỉ dưỡng;

(Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong SXKD và đầu tư của từng lĩnh vực được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc điều hành tại Mục 4 Phần III của Báo cáo này).

3.2. Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

1) Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, công ty liên kết trong quý I/2021 và Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty-CTCP vào đầu quý II/2021.

2) Thực hiện lộ trình tái cơ cấu vốn tại các đơn vị bám sát theo kế hoạch Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Trong đó:

- Tiếp tục các thủ tục chuẩn bị cho công tác thoái vốn tại một số đơn vị sản xuất VLXD không hiệu quả (lĩnh vực gạch ngói đất sét nung) là CP Từ Liêm, CP Hạ Long 1, CP Cầu Đuống, CP Từ Sơn; CP Hợp Thịnh;

- Triển khai các thủ tục tăng vốn lên 500 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy gạch Viglacera Eurotile, công suất 9,0 triệu m²/năm tại khu vực phía Nam;

3) Rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan, có hiệu lực từ 1/1/2021 và phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty

4) Phân công, phân cấp lại một số vị trí, Ban chuyên quản tại Công ty Mẹ trên nguyên tắc phân quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cuối cùng tới kết quả công việc được giao;

5) Rà soát và sắp xếp lại Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị cần tăng cường quản lý và một số đơn vị hoạt động SXKD không hiệu quả;

6) Thành lập một số đơn vị mới để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển của Tổng công ty, đồng thời tiếp tục triển khai thoái vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị trong lĩnh vực gạch ngói đất sét nung hoạt động kinh doanh kém hiệu quả;

7) Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, các định mức kinh tế kỹ thuật, các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển.

Năm 2021, Tổng công ty Viglacera – CTCP sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác tái cơ cấu trong quản trị điều hành từ Công ty Mẹ tới các đơn vị trực thuộc để chủ động vượt qua các khó khăn thách thức, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Đối với lĩnh vực vật liệu, Tổng công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị và chất lượng cao, khả thi về năng lực cạnh tranh trong nước và xuất khẩu; Lĩnh vực Bất động sản, sẽ tập trung đầu tư và phát triển mở rộng quỹ đất khu công nghiệp, phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở công nhân theo chủ trương của Chính phủ để phát huy hết các lợi thế và tiềm năng sẵn có của Tổng công ty.

Dưới sự điều hành chủ động, linh hoạt của lãnh đạo Tổng công ty cùng với truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí của tập thể CBCNV từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Tổng công ty Viglacera luôn tin tưởng sẽ tiếp tục hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021, tạo tiền đề phát triển ổn định, bền vững cho giai đoạn 2021-2025.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2020)	Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch <i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>	- Cá nhân: 0 CP - Đại diện cho cổ đông lớn TCT GELEX (46,06%)	- TV HĐQT/ TGD TCT CP Thiết bị điện Việt Nam - CT HĐQT Công ty CP Thiết bị điện GELEX - CT HĐQT Công ty CP Thiết bị điện - CT HĐQT Công ty CP hạ tầng GELEX - CT HĐQT Công ty CP dây cáp điện Việt Nam - Phó CT HĐQT Công ty Liên Doanh S.A.S-CTAMAD
2	Ông Luyện Công Minh	Phó Chủ tịch <i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>	- Cá nhân: 510.000 CP	- CT HĐQT Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	- Cá nhân: 584.500 CP - Đại diện cho Bộ Xây dựng (25,00%)	
4	Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	- Cá nhân: 510.900 CP - Đại diện cho Bộ Xây dựng (13,58%)	- GD Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Phó CT HĐQT Công ty CP VISAHO - CT HĐQT Công ty Vimariel-CTCP
5	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	- Cá nhân: 0 CP	- TV HĐQT công ty CP Santedo - TV HĐQT công ty Dược phẩm Duy Tân - TV HĐQT công ty Dược phẩm Phano - TV HĐQT CTCP phát triển và tài trợ địa ốc R.C (Refico)

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a. Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera

Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera có vai trò tư vấn xây dựng chiến lược phát triển chung toàn Tổng công ty; Tư vấn khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý cụ thể theo từng chuyên đề, lĩnh vực, đơn vị; Tư vấn các vấn đề khác khi có nhu cầu.

Thành viên Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trần Nam	Chuyên gia cao cấp
2	Ông Đinh Quang Huy	Chuyên gia cao cấp

b. Ban Thư ký Tổng công ty

Ban Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Lập biên bản các cuộc họp; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và phục vụ công tác công bố thông tin của Tổng công ty.

Thành viên Ban Thư ký Tổng công ty gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
	Ban Thư ký	
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD Tổng công ty, Trưởng Ban Thư ký, Người phụ trách công bố thông tin của Tổng công ty
2	Bà Cao Thị Nhung	Trưởng phòng Tổ chức lao động TCT, Thành viên
3	Bà Ngô Thu Linh	Trưởng phòng Pháp chế Đối ngoại TCT, Thành viên
4	Ông Đỗ Xuân Quang	Chuyên viên Phòng Đầu tư - Ban KHĐT TCT, Thành viên
5	Bà Đinh Thị Tinh	Thư ký TGD Tổng công ty GELEX, Thành viên
	Tổ quan hệ cổ đông <i>(Thuộc Ban Thư ký)</i>	
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Thư ký, Tổ trưởng
2	Ông Ngô Trọng Toán	Kế toán trưởng TCT, Tổ phó

Trong năm 2020, Bà Ngô Thu Linh được bổ sung thay cho ông Ngô Xuân Thắng chuyển công tác.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 tiếp tục nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt tại Nghị quyết số 02/TCT-NQĐHCD ngày 26/06/2019 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt tại Nghị quyết số 107/TCT-NQĐHCD ngày 19/06/2020. Năm 2020, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã họp và ban hành 98 Biên bản họp, Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt, trong đó bao gồm các nội dung trọng tâm như sau:

1. Thông qua, giao Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2020 của Tổng công ty, các đơn vị thành viên và triển khai công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD bám sát mục tiêu, kế hoạch;

2. Triển khai việc xác định giá trị doanh nghiệp, định giá cổ phiếu và các công việc liên quan phục vụ công tác bàn giao, thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty. Ngày 19/06/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 110/TCT-HĐQT thông qua nội dung biên bản bàn giao Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần. Ngày 24/06/2020, Bộ Xây dựng và Tổng công ty đã ký biên bản bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

3. Tiếp tục thực hiện các công tác quyết toán vốn Nhà nước tại Tổng công ty theo quyết định số 2254/QĐ-KTNN ngày 23/11/2018; Chỉ đạo triển khai và thực hiện công tác tăng/thoái vốn tại các Công ty cổ phần, góp vốn thành lập các công ty cổ phần mới theo lộ trình và kế hoạch đã đặt ra.

4. Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện ban hành các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, cập nhật các quy định pháp luật hiện hành: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế Người đại diện Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư.

5. Thông qua và phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, lĩnh vực vật liệu của các đơn vị thành viên để triển khai theo kế hoạch; nội dung vay vốn của các dự án đầu tư...

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ

Tổng công ty và pháp luật hiện hành; các biên bản, nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị trong các mặt hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP; đều đạt được sự thống nhất cao, tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty (*Danh sách biên bản/nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị công bố trong Báo cáo quản trị năm 2020*)

1.4. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

- Hàng tháng họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và trao đổi mọi hoạt động của Tổng công ty. Đồng thời, theo phạm vi được phân công trong Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp chuyên đề cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành trong các lĩnh vực hoạt động để xem xét đưa ra các định hướng, giải pháp triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu, hiệu quả.

- Phối hợp với Ban kiểm soát, Phòng kiểm soát nội bộ, các phòng ban Tổng công ty về trao đổi thông tin, phân tích báo cáo tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát của từng lĩnh vực.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị gồm Ban Thư ký và Hội đồng phát triển. Theo đó, trong năm 2020, Ban Thư ký thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị nội dung và tham gia trực tiếp các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ; Hội đồng phát triển là các chuyên gia cao cấp, được Hội đồng quản trị tham vấn trực tiếp đối với từng chuyên gia trong từng công việc/lĩnh vực tham vấn.

1.6. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty trong năm 2020, bao gồm các khóa đào tạo sau:

- + Xây dựng mô thức lãnh đạo 4.0
- + Xây dựng và quản trị hình ảnh người quản lý
- + Quản trị hiệu suất lao động
- + Quản trị chất lượng
- + Kỹ năng giải quyết xung đột
- + Xây dựng kế hoạch cá nhân
- + Xây dựng môi trường làm việc và văn hóa viglacera
- + Đào tạo tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật và tiêu chuẩn KNN quốc tế

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên ban kiểm soát, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Ngọc Bích	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên Ban Kiểm soát

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty để nắm bắt tình hình SXKD thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Tổng công ty và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020.

- Thẩm tra các báo cáo tài chính định kỳ trước khi đệ trình HĐQT và trao đổi với kiểm toán viên về một số vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính.

- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng công ty.

Trong năm 2020, ngoài các cuộc họp thường kỳ (4 lần/năm), Ban kiểm soát cũng tổ chức các cuộc họp khác để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của BKS, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn, ... với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát. Nội dung các cuộc họp thường kỳ của Ban kiểm soát năm 2020 cụ thể như sau:

STT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 - Thẩm tra BCTC năm 2020 (đã được kiểm toán)
2	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động quý 1/2020 và lập kế hoạch hoạt động quý 2/2020. - Thẩm tra BCTC quý 1/2020 - Thống nhất nội dung báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.
3	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động quý 2/2020 và lập kế hoạch hoạt động quý 3/2020. - Thẩm tra BCTC bán niên 2020 (đã được soát xét)
4	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động quý 3/2020 và lập kế hoạch hoạt động quý 4/2020 và dự kiến kế hoạch công tác 2021. - Thẩm tra BCTC quý 3/2020

3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 107/TCT-NQĐHĐCĐ ngày 19/06/2020, theo đó mức lương bình quân kế hoạch của Hội đồng quản trị là 108 triệu đồng/người/tháng, của Ban Kiểm soát là 56 triệu đồng/người/tháng. Tiền thưởng dự kiến của người quản lý công ty là 1,5 tháng lương nếu Tổng công ty hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2020 có phát sinh các giao dịch mua bán cổ phiếu, cụ thể như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (tại 01/01/2020)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (tại 31/12/2020)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Đỗ Hoàng Phương	Người liên quan TVHDQT Đỗ Thị Phương Lan	50.000	0,01%	0	0,00%	Bán
2	Hoàng Kim Bằng	Phó TGĐ	222.100	0,05%	85.800	0,02%	Bán
3	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên BKS	81.950	0,02%	0	0,00%	Bán

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (tại 01/01/2020)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (tại 31/12/2020)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
4	Nguyễn Anh Đức	Người liên quan P.TGD Nguyễn Anh Tuấn	146.000	0,03%	40.000	0,01%	Bán
5	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư đỏ	Người liên quan TV HĐQT Đỗ Thị Phương Lan	5.041.110	1,12%	0	0,00%	Bán
6	Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	Người liên quan TCT	24.827.600	5,54%	119.438.060	26,64%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định, quy chế nội bộ của đơn vị (Quy chế tài chính, Quy chế lương, Quy chế người đại diện, Quy chế công bố thông tin, ...)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán:

Đã được công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trên website của Tổng Công ty tại địa chỉ: <http://www.viglacera.com.vn>.

Trong đó:

2.1. Báo cáo tài chính riêng rút gọn (cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020)

a. Bảng cân đối kế toán riêng

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	31/12/2020	01/01/2020
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.218.187.981.652	5.009.560.441.646
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.320.550.312.115	2.083.394.044.179
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	615.338.070.693	738.031.708.565
IV. Hàng tồn kho	2.053.346.815.311	2.019.666.589.104
V. Tài sản ngắn hạn khác	228.952.783.533	168.468.099.798
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	12.755.535.082.381	10.516.574.112.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	207.605.494.455	225.210.683.440
II. Tài sản cố định	2.082.435.248.337	2.158.558.078.376
III. Bất động sản đầu tư	5.465.043.588.414	4.785.586.266.277
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.010.006.990.723	1.499.608.462.178
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.786.321.466.677	1.588.810.969.732
VI. Tài sản dài hạn khác	204.122.293.775	258.799.652.278
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	16.973.723.064.033	15.526.134.553.927

NGUỒN VỐN	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	10.799.151.160.402	9.399.152.304.954
I. Nợ ngắn hạn	4.215.319.566.842	3.401.131.986.747
II. Nợ dài hạn	6.583.831.593.560	5.998.020.318.207
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	6.174.571.903.631	6.126.982.248.973
I. Vốn chủ sở hữu	6.128.864.659.353	6.073.994.509.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	4.483.500.000.000	4.483.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	931.212.247.586	931.212.247.586
3. Quỹ đầu tư phát triển	134.258.872.049	89.987.989.240
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	579.893.539.718	569.294.272.621
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	45.707.244.278	52.987.739.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	16.973.723.064.033	15.526.134.553.927

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

ĐVT: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.917.687.485.671	4.235.358.679.248
2. Giá vốn hàng bán	2.835.807.104.469	3.179.661.401.608
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.081.880.381.202	1.055.697.277.640
4. Doanh thu hoạt động tài chính	127.224.127.398	162.442.744.773
5. Chi phí tài chính	55.727.316.898	52.811.705.530
- Trong đó: Chi phí lãi vay	25.020.530.142	27.196.792.945
6. Chi phí bán hàng	118.454.613.163	152.316.025.171
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	300.684.291.947	310.489.375.519
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	734.238.286.592	702.522.916.193
9. Thu nhập khác	52.367.075.640	51.076.663.561
10. Chi phí khác	50.709.888.175	34.511.048.897
11. Lợi nhuận khác	1.657.187.465	16.565.614.664
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	735.895.474.057	719.088.530.857
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	132.075.357.586	123.226.642.910
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	606.461.155.044	595.861.887.947

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

ĐVT: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	735.895.474.057	719.088.530.857
2. Điều chỉnh cho các khoản	299.733.828.954	259.099.409.548
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	272.757.435.453	280.364.888.417
- Các khoản dự phòng	74.515.685.597	40.911.061.476
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.061.767.384	1.373.154.239
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(124.621.589.622)	(160.746.487.529)
- Chi phí lãi vay	25.020.530.142	27.196.792.945
- Các khoản điều chỉnh khác	50.000.000.000	70.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.035.629.303.011	978.187.940.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.272.543.846.468	3.138.295.602.918
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.363.437.674.804)	(1.459.591.518.146)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(760.781.964.680)	1.239.380.661.274
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.083.394.044.179	845.204.766.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(2.061.767.384)	(1.191.383.870)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.320.550.312.115	2.083.394.044.179

2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất rút gọn (cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020)

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	31/12/2020	01/01/2020
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.816.049.249.285	7.580.602.325.654
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.950.330.301.763	2.710.172.050.345
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	80.875.556.624	90.396.034.246
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.011.612.879.167	1.147.539.612.774
IV. Hàng tồn kho	3.415.167.495.785	3.359.514.287.927
V. Tài sản ngắn hạn khác	358.063.015.946	272.980.340.362
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	14.507.190.721.264	12.222.321.597.287
I. Các khoản phải thu dài hạn	228.705.228.695	245.391.017.695
II. Tài sản cố định	3.799.021.723.496	3.992.672.765.031
III. Bất động sản đầu tư	5.479.474.945.974	4.800.454.918.921
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.916.084.662.216	2.067.138.043.741
V. Đầu tư tài chính dài hạn	820.201.154.504	791.985.806.819
VI. Tài sản dài hạn khác	263.703.006.379	324.679.045.080
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	21.323.239.970.549	19.802.923.922.941

NGUỒN VỐN	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	14.299.124.844.680	12.792.413.573.263
I. Nợ ngắn hạn	7.353.387.535.929	6.301.975.854.665
II. Nợ dài hạn	6.945.737.308.751	6.490.437.718.598
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	7.024.115.125.869	7.010.510.349.678
I. Vốn chủ sở hữu	6.978.407.881.591	6.957.522.610.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	4.483.500.000.000	4.483.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	931.908.405.494	931.929.412.457
3. Vốn khác của chủ sở hữu	22.169.426.581	22.859.134.442
4. Cổ phiếu quỹ	(2.471.750)	(2.471.750)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(211.820.416.851)	(211.681.407.015)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.587.926.278)	(1.072.309.916)
7. Quỹ đầu tư phát triển	372.750.759.243	285.828.118.736
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.590.730.292	6.590.730.292
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	711.944.172.612	775.940.270.061
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	663.955.202.248	663.631.132.845
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	45.707.244.278	52.987.739.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	21.323.239.970.549	19.802.923.922.941

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.433.048.985.280	10.145.641.675.447
2. Giá vốn hàng bán	7.105.367.181.452	7.725.612.871.548
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.327.681.803.828	2.420.028.803.899
4. Doanh thu hoạt động tài chính	95.295.310.222	97.632.488.470
5. Chi phí tài chính	198.848.809.955	211.003.944.890

KHOẢN MỤC	Năm 2020	Năm 2019
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4.273.864.886	3.130.416.384
7. Chi phí bán hàng	758.237.615.422	752.474.477.932
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	603.781.853.572	567.908.554.764
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	866.382.699.987	989.404.731.167
10. Thu nhập khác	71.180.972.178	57.410.256.626
11. Chi phí khác	96.862.620.170	76.674.786.605
12. Lợi nhuận khác	(25.681.647.992)	(19.264.529.979)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	840.701.051.995	970.140.201.188
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	174.987.797.644	204.644.748.446
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.596.564.269)	6.125.519.946
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	667.309.818.620	759.369.932.796
17. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	600.749.582.247	651.502.208.886
18. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	66.560.236.373	107.867.723.910

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

ĐVT: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	840.701.051.995	970.140.201.188
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	531.086.681.375	527.688.376.377
- Các khoản dự phòng	104.664.461.092	14.045.273.005
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.254.497.223	2.507.587.109
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(90.972.736.368)	(82.350.598.446)
- Chi phí lãi vay	160.976.347.894	169.334.473.752
- Các khoản điều chỉnh khác	40.404.444.939	70.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.589.114.748.150	1.671.365.312.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.773.286.859.284	3.794.252.784.423
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.709.810.070.961)	(1.984.118.660.895)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(819.742.466.503)	(515.066.339.146)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	(756.265.678.180)	1.295.067.784.382
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.710.172.050.345	1.417.334.543.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(3.576.070.402)	(2.230.277.714)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	1.950.330.301.763	2.710.172.050.345

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn